

Tìm hiểu Kinh Pháp Cú (DHAMMAPADA)

Tâm Minh NGŨ TẦNG GIAO

* DIỆU PHƯƠNG xuất bản, Hoa Kỳ, 2006 *

-03-

TỨ DIỆU ĐỂ VÀ BÁT CHÁNH ĐẠO

Truyện tích kể rằng sau khi đi một vòng châu du hoằng Pháp ở các làng mạc, Đức Phật trở về tịnh xá, và giữa chúng Tăng có cuộc thảo luận về trạng thái gồ ghề hay bằng phẳng của các con đường đã trải qua. Đức Phật nói rằng thảo luận về các con đường ấy không thích hợp cho sự giải thoát, đó chỉ là những đoạn đường ở bên ngoài thân tâm. Ngài khuyên chư Tăng nên lưu tâm đến con đường cao thượng là "Bát Chánh Đạo" thuộc giáo lý "Tứ Diệu Đế" và những việc cần phải làm khác để sớm đắc được đạo quả. Những giáo lý căn bản của Đạo Phật được tóm tắt như sau đây:

(Pháp Cú 273)

*Con đường cao thượng hàng đầu
Là "Bát Chánh Đạo" nhiệm mầu biết bao,
Bốn điều chân lý tối cao
Là "Tứ Diệu Đế" để nào sánh ngang,
Không còn luyến ái vẫn vương
Là điều cao thượng thơm hương Niết Bàn,
Trong loài động vật hai chân
Thì Đáng Toàn Giác vô ngần tối cao.*

Người Phật tử tu học để muốn vĩnh viễn yên vui ở ngoài vòng sinh tử của thế gian. Muốn đạt được kết quả đó trước hết người Phật tử phải thấu hiểu tình trạng đời người, biết rõ căn bệnh của thế gian ra sao, để rồi tìm thuốc trị bệnh. Đức Phật khi dạy chúng sinh tìm quy y Phật, Pháp, Tăng là nhằm giúp chúng sinh mở mang trí tuệ và đồng thời hiểu rõ được bốn chân lý mầu nhiệm mà thoát khổ. Bốn chân lý đó gọi là "Tứ Diệu Đế":

(Pháp Cú 190 - 191)

*Nếu quy y Phật, Pháp, Tăng
Riêng phân trí tuệ vinh thăng nhiệm mầu
Hiểu ra Tứ Đế thâm sâu:
Biết rằng trần thế khổ đau là gì,
Hiểu ra nguồn gốc khổ kia,
Biết đường diệt hết khổ đi là rồi
Biết Bát Chánh Đạo tuyệt vời
Tám đường chân chính con người nên theo.*

Đức Phật giảng "Tứ Diệu Đế" để giải rõ tình trạng đời người và dạy phương pháp thay đổi tình trạng đó. "Tứ" là bốn; "Diệu" là huyền diệu, mầu nhiệm, cao quý; "Đế", là sự thật, là chân lý. Tứ Diệu Đế là bốn chân lý mầu nhiệm. Đó là: khổ (Khổ Đế); nguồn gốc của khổ (Tập Đế); sự diệt khổ (Diệt Đế) và con đường dẫn đến sự diệt khổ (Đạo Đế).

Khổ phải được thông suốt, hiểu biết. Nguồn gốc của khổ, nguyên nhân gây ra khổ (tức ái dục) phải được tận diệt. Sự diệt khổ (tức Niết Bàn) phải được chứng ngộ. Con đường dẫn đến sự diệt khổ (tức Bát Chánh Đạo) phải được phát triển. Dầu chư Phật có giảng sinh hay không, bốn Chân Lý ấy vẫn có trên thế gian. Chư Phật chỉ khám phá ra và vạch rõ cho nhân loại thấy bốn chân lý mẫu nhiệm này mà thôi.

1. *Khổ đế*: Sự thật đầu tiên về tình trạng đời sống của chúng sinh trong thế gian là đau khổ, một thực trạng mà con người cảm nhận từ lúc lọt lòng mẹ cho đến khi nhắm mắt xuôi tay. Đức Phật dạy: "Này các Tỷ kheo, sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, thương yêu mà biệt ly là khổ, mong cầu mà không được là khổ. Tóm lại, chấp thủ năm uẩn là khổ". Như vậy, "khổ" có thể chia làm 3 phương diện:

Về phương diện sinh lý: khổ là một cảm giác khó chịu, đau đớn của thể xác như khi bị một gai nhọn đâm buốt bàn chân hay một hạt cát vào trong mắt... Con người sinh ra đã vất vả khốn đốn, lớn lên già yếu, bệnh tật khốn khổ vô cùng và cuối cùng là cái chết, là sự tan rã của thể xác.

Về phương diện tâm lý: khổ là do không toại ý, không vừa lòng v.v... Những mất mát, thua thiệt trong cuộc đời làm mình khổ. Người mình thương muốn gần mà không được, người mình ghét mà cứ phải gặp gỡ hoài. Muốn tiền tài, danh vọng, địa vị nhưng nó cứ vạ qua ngoài tầm tay mình v.v...

Về sự chấp thủ năm uẩn: Cái khổ thứ ba này bao hàm hai cái khổ trên, như trong kinh đã dạy: "Chấp thủ năm uẩn là khổ". Năm uẩn hay "ngũ uẩn" là năm yếu tố nương tựa vào nhau để tạo thành con người, gồm có: thân thể vật lý là sắc và cấu trúc tâm lý là thọ, tưởng, hành và thức. Gọi chung lại là "sắc, thọ, tưởng, hành, thức". Nói một cách tổng quát, khi ta bám víu vào năm yếu tố trên, coi đó là "ta", là "của ta", là tự ngã của ta, thì khổ đau có mặt. Mọi khổ đau, lo lắng, sợ hãi, thất vọng đều gắn liền với ý niệm về "cái ta" ấy.

Phật giáo không phủ nhận rằng trong đời người cũng có lúc vui vẻ sung sướng vì thân tâm được thỏa mãn trong những điều mong muốn. Những hạnh phúc ấy là quả tốt của những nghiệp lành đã tạo ra trong kiếp trước hay kiếp này. Đức Phật không dạy rằng con người phải tránh những hạnh phúc ấy. Không nên hiểu lầm là Ngài có ý phủ nhận tình cảm của con người để theo đuổi một số lý tưởng tinh thần cao thượng. Điều mà Đức Phật muốn nhắc nhở chúng ta không phải là bảo ta dẹp bỏ hoàn toàn tình cảm lành mạnh của con người, mà chỉ có ý nhắc chúng ta không nên chú tâm quyến luyến và gắn bó vào những thú vui vật chất. đừng say đắm mê mờ trong những hạnh phúc trên. Đức Phật nói cái vui đó là cái vui mong manh trong đau khổ, cái vui còn vương trong vô minh nghiệp chướng đưa đến khổ đau càng sâu dày thêm.

"Bề khổ mệnh mộng nước ngập trôi
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi,
Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió,
Ngâm lại cùng trong bề khổ thôi!"

Một nhà thơ đã cảm hứng mà viết như trên. Ngược gió hay xuôi gió, chiếc thuyền cũng ở trong biển mà thôi, không thể vượt lên trên biển được. Mà cái biển đó là biển khổ. Cho nên cái vui của con người trong cảnh trầm luân này là cái vui trong đau khổ của thế gian, chưa phải là cái vui giải thoát. Do thế, Đức Phật nói đời là bề khổ, mặc dù chúng sinh cho đời là vui, rồi say đắm theo đời, không giờ phút nào rời khỏi, cho đến một ngày nào đó phải nhắm mắt tắt thở, bấy giờ mới hoảng hốt, khổ đau.

Điều làm trở ngại quan trọng nhất cho việc phát triển tâm linh không phải là những vật, những việc, hay những ngoại cảnh có sức tạo niềm khoái lạc và thích thú; mà chính là cái tâm ý thiết tha gắn bó, nhớ tưởng đến những vật hay những việc ấy, theo lòng ham muốn ích kỷ của con

người. Theo Phật Giáo chính trạng thái tinh thần khi đối đầu với ngoại cảnh mới là điều quan trọng.

Một hoàng tử xuất gia và rút vào rừng, hành thiền một mình. Về đêm, ông nghe văng vẳng tiếng đàn hát từ thành vọng đến và lấy làm bất mãn với lối sống đơn độc giữa rừng sâu. Một vị thần trên cây khuyến khích ông nên cố gắng tìm thích thú trong đời sống cô đơn. Về sau, thầy Tỳ kheo bất mãn ấy trở về bạch lại tự sự với Đức Phật. Đức Phật giảng cho thầy về tính cách khó khăn của kiếp sống ở thế gian:

(Pháp Cú 302)

*Khó thay diệt ái dục rồi
Để mà vui sống cuộc đời xuất gia,
Khó thay cuộc sống tại nhà
Trần gian sinh hoạt thật là thương đau,
Khó thay phải sống gần nhau
Khi không ý hợp tâm đầu êm xuôi,
Khó thay cứ mãi nổi trôi
Trong vòng sinh tử luân hồi quẩn quanh,
Vây lo vượt thoát cho nhanh
Khổ đau nơi ấy, từ sinh chốn này.*

Đức Phật giảng cho ta trông thấy cuộc đời sâu hơn, xa hơn, đúng với sự thật hơn. Trông sâu hơn và xa hơn, vì những sung sướng trong thế gian không vững bền, không vĩnh viễn. Khi nó mất thì chúng ta buồn đau. Mà ngay khi còn, nó cũng gây cho chúng ta biết bao bận rộn, lo nghĩ, ghét ghen, thù oán... Trông đúng với sự thật hơn, vì trong khi ta đang say đắm trong hạnh phúc, nếu ta không biết tu tập để giữ gìn và làm tăng trưởng nhân duyên lành đã sinh ra hạnh phúc thì hạnh phúc đã bắt đầu suy giảm theo luật "vô thường" rồi. Đau khổ đã dần dần đến thay thế cho sung sướng rồi. Bởi vậy tình trạng chung và đúng sự thật của thế gian là đau khổ. Ấy là một "lẽ thật" chắc chắn, hiển nhiên.

Một chàng thanh niên được cha mẹ hết lòng thương yêu. Chàng xuất gia làm Tỳ kheo mà không được cha mẹ ưng thuận trước. Về sau, cha mẹ thầy cũng lần lượt theo nhau xuất gia. Tuy nhiên chàng và cha mẹ không sống rời nhau và không dứt tình phụ mẫu, cứ mãi kháng khít quay quần bên nhau, sống chung với nhau trong một ngôi chùa và cùng đi khất thực. Các vị Tỳ kheo khác cảm thấy khó chịu nên đến bạch với Đức Phật. Nghe câu chuyện, Đức Phật dạy rằng thương hay ghét đều tạo khổ:

(Pháp Cú 210)

*Chớ kẻ cận kẻ yêu thương,
Chớ gần gũi kẻ mình thường chắng ưa,
Ở đời khổ mấy cho vừa
Khi yêu không gặp, khi ưa chẳng kẻ
Cũng đau cũng đờn kẻ chi
Ghét này phải gặp, oán kia phải kẻ.*

Đức Phật cũng dạy thêm rằng không nên say mê luyến ái vì khi xa lìa hay mất đi điều mình luyến ái thì mình sẽ cảm thấy đau khổ. Sự say mê luyến ái dễ bị ràng buộc:

(Pháp Cú 211)

*Dừng yêu đến độ say mê
Kẻo khi ly biệt nào nề héo hon
Nếu mà yêu ghét không còn
Chẳng chi ràng buộc, tâm hôn thành thoi.*

2. *Tập đế*: là nguồn gốc hay nguyên nhân dẫn đến thực trạng đau khổ. "Tập" là tích tập, các phiền não chồng chất tụ hội tạo thành năng lực đưa đến khổ đau. Khi nhận thức được bản chất của khổ một cách rõ ràng, ta mới có thể đi vào con đường đoạn tận khổ đau.

Cuộc đời là khổ đau hay không đều tùy thuộc vào thái độ tâm lý, cảm thọ và nhận thức của mỗi người; nguyên nhân của khổ có nguồn gốc sâu xa trong tâm tưởng của con người. Phật Giáo cũng nhìn thấy các nguyên nhân của đau khổ; có cái phát sinh từ vật chất hay hoàn cảnh xã hội, nhưng nguyên nhân thật sự vẫn là tâm thức.

Nguyên nhân của khổ thường được các kinh đề cập chính là tham ái, do tham ái mà chấp thủ, bám víu vào các đối tượng của tham ái. Sự khao khát về dục lạc sẽ dẫn đến khổ đau, bởi vì lòng khao khát ấy không bao giờ thỏa mãn. Đức Phật dạy "Tham ái sinh sầu ưu, tham ái sinh sợ hãi. Ai giải thoát tham ái thời không còn sầu ưu sợ hãi nữa":

(Pháp Cú 216)

*Khởi từ tham ái sinh ra
Sinh lo, sinh sợ khổ mà tránh đi
Khi mà tham ái xa lìa
Chẳng còn lo sợ chút gì nữa đâu.*

Nguyên nhân sâu hơn và căn bản hơn chính là vô minh, tức là si mê không thấy rõ bản chất của sự vật hiện tượng đều nương vào nhau mà sinh khởi, đều vô thường và chuyển biến, không có cái chủ thể, cái bền vững độc lập ở trong chúng. Do không thấy rõ nên sinh tâm tham muốn, ôm giữ lấy các đối tượng lạc thú. Do không thấy rõ mới lầm tưởng rằng "cái ta" là quan trọng nhất, là cái có thực cần phải bám víu, củng cố và thỏa mãn nhu cầu của nó. Do vô minh mà có chấp thủ "cái ta" và "cái của ta". Do những chấp thủ ấy mà có những nỗi thống khổ của cuộc đời. Chúng ta có thể nhận thấy một cách rõ ràng, khổ hay không là do lòng mình, do cái nhìn của mỗi người đối với cuộc đời. Nếu không bị sự chấp ngã và dục vọng vị kỷ hay phiền não khuấy động, chi phối, ngự trị trong tâm thì cuộc đời đầy an lạc, hạnh phúc.

3. *Diệt đế*: "Diệt" là chấm dứt, là dập tắt. Diệt đế là sự chấm dứt hay dập tắt phiền não, nguyên nhân đưa đến đau khổ. Khi phá trừ hết những phiền não rồi thì con người được tự do hoàn toàn, yên vui, sáng suốt và không còn những nhân duyên tạo ra luân hồi nữa. Con người đã giải thoát khỏi sinh tử và đạt tới Niết Bàn.

Đạo Phật xác nhận cuộc đời đầy dẫy những đau khổ, chúng ta thường được nghe nói rằng "đời là bể khổ". Tuy thế Đạo Phật đồng thời cũng xác định có một sự thật khác nữa là an lạc, hạnh phúc. Vì vậy mà có sự tu tập để đạt được hạnh phúc. Hạnh phúc này hoặc tương đối hoặc tuyệt đối.

Hạnh phúc tương đối: Khi ta làm lắng dịu lòng tham ái, chấp thủ thời tâm trí không còn bị đun nóng bởi các ngọn lửa phiền muộn, lo lắng, sợ hãi nữa. Tâm ý của ta trầm tĩnh và sáng suốt hơn, khả năng nhận thức sự vật hiện tượng sâu sắc và chính xác hơn. Thân tâm ta được chuyển hóa, thái độ ứng xử của ta đối với mọi người độ lượng, bao dung và khiêm tốn; đối với của cải, tài sản, danh vọng trở nên thanh thản hơn, không còn bị áp lực của nó đè nặng lên trái tim mình. Trên cơ sở ấy, ta hưởng thụ đời sống có phẩm chất hơn. Tóm lại, tùy vào khả năng giảm thiểu lòng tham, sân và vô minh đến mức độ nào thì đời sống của ta sẽ được tăng phần hạnh phúc lên mức độ ấy.

Nếu ta phát triển hạnh phúc tinh thần cao hơn bằng cách tu tập thiền định thì ta sẽ có sự an lạc tuyệt vời. Đức Phật dạy: "Có người có thể không bị bệnh về thể xác trong một năm hay có thể đến cả trăm năm, nhưng thật hiếm có người không bị bệnh về tinh thần, dù chỉ trong một phút". Những tâm lý được coi là bệnh của tinh thần là tham lam (tham muốn chạy theo nhục dục ngũ trần "sắc, thanh, hương, vị, xúc"), sân hận (oán ghét, bắt toại nguyện), hôn trầm đã dục (uể oải trong tâm, không tinh tấn, kiên trì), dao động và hối hận (lo âu vì những hành

động bất thiện), hoài nghi và do dự (tâm bất định). Khi các loại tâm lý này có mặt, nó sẽ trôi buộc và ngăn che tâm trí của ta; loại trừ chúng đi thì tinh thần sẽ sáng tỏ thanh tịnh và an lạc như mặt trăng thoát khỏi đám mây che. Các trạng thái hạnh phúc tinh thần này được gọi là "*Từ thiên*".

Hạnh phúc tuyệt đối: Trên nền tảng hạnh phúc tinh thần, ta phát triển tuệ quán, hướng tâm đến đoạn trừ toàn bộ phiền não vi tế, thâm sâu, ta có thể đạt hạnh phúc tuyệt đối, tối thượng là Niết Bàn. Diệt đế chính là Niết Bàn. Niết Bàn là sự thanh tịnh, là hạnh phúc tuyệt đối. Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 204)

*Ai không bệnh, lợi nhất đời
Ai mà biết đủ là người giàu sang
Ai thành tín là bạn vàng
Và nơi cực lạc: Niết Bàn là đây.*

4. *Đạo đế*: "Đạo" là con đường, là phương pháp thực hiện dẫn đến chấm dứt khổ đau. Đức Phật dạy cho chúng sinh một con đường chắc chắn để đi đến Niết Bàn. Như vậy, toàn bộ giáo lý mà Đức Phật đã dạy đều là Đạo đế. Con đường ấy gọi là *Bát Chánh Đạo* (Tám thánh đạo) được coi là tiêu biểu và căn bản nhất của Đạo đế.

(Pháp Cú 274)

*Con đường duy nhất dẫn vào
Đâu còn tìm được đường nào khác hơn
Khiến cho thanh tịnh nhân quan,
Các người theo đúng lối vàng nói trên
Ma vương mê loạn ngay liền
Chẳng còn dục vọng gây phiền cho người.*

Bát Chánh Đạo là con đường "Trung Đạo" mà Đức Phật đã tìm ra để chứng ngộ Niết Bàn. Con đường gồm có tám điều chân chính, tám phương tiện mẫu nhiệm mà người Phật tử phải làm: "*Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm* và *Chánh Định*". Đó là con đường giác ngộ duy nhất. Đúng về mặt triết học, tám yếu tố ấy là tám trạng thái tinh thần (hay tâm sở) nằm trong tám loại tâm siêu thế có đối tượng là Niết Bàn.

- Chánh kiến: là sự thấy, hiểu biết chân chánh hay nhận thức đúng, rõ ràng như thật. Nhận thức đúng về đạo đức của cuộc sống, cái nào là thiện, cái nào là ác. Nhận biết về bản chất của sự vật đúng với sự thật, hợp với lẽ phải.
- Chánh tư duy: Suy nghĩ đúng đắn, chân chánh và xét đoán sáng suốt, đúng với chân lý, không mê lầm. Do sự hiểu biết, cái nhìn chân chánh mà sự suy niệm hay ý nghĩ đúng đắn phát sinh.
- Chánh ngữ: Ngôn ngữ đúng đắn, nghĩa là không nói những lời vọng ngữ, ác khẩu, hai lưỡi đưa đến đau khổ, chia rẽ, hung bạo, căm thù. Nói những lời lẽ chân thật, êm ái, chính đáng, hiền hòa đưa đến xây dựng niềm tin, đoàn kết hòa hợp, thương yêu và lợi ích, những lời hợp với Chân, Thiện, Mỹ. Lại còn đem phương tiện mà giáo hóa người.
- Chánh nghiệp: Hành vi đúng đắn, làm việc chân chánh có mục đích lành mạnh, vừa lợi ích cho mình, vừa lợi ích cho người và vật khác.
- Chánh mạng: Đời sống đúng đắn, trong sạch nghĩa là phương tiện mưu sinh, nghề nghiệp chân chánh, không sống bằng những nghề phi pháp, độc ác, gian xảo dễ gây ra ác nghiệp.

- Chánh tinh tấn: Nỗ lực đúng đắn, siêng năng chuyên cần, cố gắng hết sức bằng tất cả nghị lực bản thân để đoạn trừ điều ác, thực hành điều thiện. Diệt trừ phiền não và tạo dựng đức lành.

- Chánh niệm: Nhớ nghĩ đúng đắn, tưởng nhớ chân chánh. Nhớ những việc chân chánh đã làm, quán tưởng những việc chân chánh hiện tại và sẽ làm, để suy nghĩ và hành động cho hợp với lẽ phải, để diệt trừ những ý tưởng sai quấy và phòng ngừa những việc làm sai lầm.

- Chánh định: Tập trung tư tưởng đúng đắn, định tâm chân chánh, nghĩa là đừng để tâm thức bị rối loạn, tập trung tư tưởng làm an tịnh tâm thức một cách đúng đắn, có hiệu quả phát triển tuệ giác.

Theo Đức Phật thời “Bát Chánh Đạo” là con đường duy nhất để chấm dứt mọi đau khổ:

(Pháp Cú 275)

*Thuận tu theo chánh đạo rồi
Bao nhiêu khổ não tức thời tiêu tan,
Sau khi chứng ngộ đạo vàng
Biết phương cách diệt vô vàn chông gai
Diệt bao chương ngại hại người
Ta nay truyền dạy các người con đường.*

Giáo lý “Tứ Diệu Đế” vừa là phương tiện, vừa là cứu cánh. Một giáo lý hoàn chỉnh đầy tính nhân bản đem lại niềm tin, sức sống cho con người, xã hội. Đặc tính của giáo lý “Tứ Diệu Đế” là con đường Trung Đạo, không rơi vào cực đoan hưởng thụ dục lạc hay khổ hạnh ép xác. Giáo lý “Tứ Diệu Đế” bao hàm tất cả các giáo pháp mà Đức Phật đã dạy, có thể thực hành cho người xuất gia cũng như tại gia, ai cũng tu tập được, ai cũng có thể nếm hương vị giải thoát, đáp ứng được nhu cầu thoát khổ cho cá nhân và chuyển hóa xã hội.

Đức Phật dạy rằng chẳng phải vì bện tóc, chẳng phải vì gia tộc, cũng chẳng phải tại nơi sinh trong một giai cấp nào mà trở thành Bà La Môn. Nhưng ai hiểu biết chân thật “Tứ Diệu Đế”, thông đạt chánh pháp, đó là kẻ Bà La Môn:

(Pháp Cú 393)

*Mệnh danh là Bà La Môn
Nào vì bện tóc ở luôn trên đầu
Nào vì chủng tộc mình đâu
Cũng không vì đã dựa vào nơi sinh,
Riêng ai hiểu biết thật tình
"Bốn điều Chân Lý" tâm thành nhận ra
Tinh thông "Chánh Pháp" Phật Đà
Và luôn thanh tịnh, là Bà La Môn*

Nhân có hai người cãi nhau vì ai cũng cho là con bò của mình mạnh hơn. Để tranh hơn thua, hai người chắt cát và đá đẩy xe rồi bắt bò kéo. Xe không nhúc nhích mà dây thừng đều đứt. Các vị Tỷ kheo nhìn thấy về bạch lại với Đức Phật. Đức Phật khuyên các thầy nên tận diệt những dây thừng của tâm mình để trở thành người đã giác ngộ. Người giác ngộ là người thấu triệt “Tứ Diệu Đế”:

(Pháp Cú 398)

*Bỏ đai da sân hận đi
Bỏ cương luyến ái chớ hề vấn vương
Bỏ dây tà kiến làm đường
Bỏ đồ phụ thuộc buộc ràng quân quanh
Bỏ đi cây trọc vô minh*

“Bốn điều Chân Lý” thật tình hiểu ra
Con người giác ngộ tiến xa
Xứng danh tên gọi là Bà La Môn.

Bà La Môn trong hai câu Pháp Cú 393 và 398 trên đây là tiếng chỉ chung người đạo hạnh thanh tịnh chứ không theo nghĩa thông thường để chỉ giai cấp đạo sĩ Bà La Môn.

-ooOoo-

TỨ VÔ LƯỢNG TÂM: TỪ, BI, HỖ, XÃ

Đức Phật khuyên dạy chúng sinh hãy chăm tu tập “*Tứ Vô Lượng Tâm*”, tức là “bốn món tâm rộng lớn không lường được”, đó là các tâm “*Từ, Bi, Hỷ, Xả*”. Phật dạy hãy mở rộng bốn tâm này, không hạn chế, cho tất cả các loài hữu tình ở khắp bốn phương. Đây là những đặc tính giúp con người trở nên tốt đẹp, hoàn thiện, là lối sống của bậc thánh. Nếu mỗi người tự cố gắng thực hành “tứ vô lượng tâm”, không phân biệt tôn giáo, chủng tộc v.v... thì mỗi người sẽ trở thành một công dân lý tưởng trong một thế giới hòa bình, an lạc.

Đạo Phật thường được gọi là đạo từ bi, đạo cứu khổ. Ở đâu có Đạo Phật, ở đó có tình thương. Phương châm tu tập của Phật Giáo là từ, bi, hỷ, xả. Người Phật tử lấy từ, bi, hỷ, xả làm nền tảng cho sự phát triển thành hạnh; tâm từ bi được coi là tâm Phật. Trong quá trình truyền giáo, Đạo Phật chưa bao giờ gây chiến tranh hay đổ máu, thông điệp tình thương cứu khổ, giúp đời đã được Đức Phật tuyên thuyết ngay từ thời kỳ sơ khai thành lập giáo đoàn. Bốn món tâm rộng lớn không lường được nói trên nếu của Phật và các vị Bồ tát thời được xưng là “*Đại từ, Đại bi, Đại hỷ, Đại xả*”.

Tâm “*Từ*” là khả năng hiến tặng niềm vui cho tha nhân, cho người khác. Tâm “*Bi*” là khả năng làm vui đi nỗi khổ đang có mặt. Tâm “*Hỷ*” là niềm vui, lòng thanh thân do từ bi đem tới. Tâm “*Xả*” là thư thái nhẹ nhàng, tự do, không kỳ thị. Đức Phật dạy người Phật tử phải tu tập tứ vô lượng tâm.

TÂM TỪ

“*Từ*” là lòng lành giúp ích cho người, lòng thương yêu, thường đem vui cho tất cả chúng sinh. “*Tâm từ*” là cái gì làm cho lòng êm dịu, là lòng mong ước cho tất cả chúng sinh đều được an lành vui vẻ. Tâm từ là lòng mong mỏi chân thành của người bạn hiền muốn cho bằng hữu mình được an vui hạnh phúc. Ngược lại với tâm từ là lòng “*sân hận*”.

Tâm từ không phải là sự yêu thương thiên về xác thịt, về tình dục, cũng không phải là lòng triu mến vị kỷ, lòng duyên ái đối với người nào. Tâm từ không phân biệt kẻ thân người sơ, không dành riêng cho tình đồng chí, không dành riêng cho tình đồng chủng, cũng không dành riêng cho tình đồng hương hay đồng đạo. Hơn nữa tâm từ không phải chỉ nên có giữa người và người mà phải bao trùm tất cả chúng sinh, bởi vì, loài cầm thú cũng cần đến sự giúp đỡ và tình thương.

Nói tóm lại, tâm từ bao la, rộng rãi, trải ra đồng đều đối với chính mình cũng như đối với những người thân cận, dù không quen biết, dù có ác cảm với mình. Người thực hiện từ tâm đến mức độ cùng tột sẽ thấy mình đồng hóa với tất cả chúng sinh, không còn sự khác biệt giữa mình và người. Cái gọi là “*ta*” không còn nữa. Mọi sự chia rẽ đều biến mất như đám sương mù tan trong nắng sáng. Vạn vật trở thành một, đồng thể, đồng nhất.

Khi tâm từ xuất hiện thì lòng sân hận, ác ý, thù oán không thể phát sinh. Đức Phật dạy chỉ có tâm từ mới dập tắt được lòng sân. Không những dập tắt được lòng sân, tâm từ còn diệt được các mầm tư tưởng bất thiện. Nhìn thái độ của loài người đối với hận thù, Đức Phật đưa ra

nhân xét là tình thương sẽ chinh phục được lòng sân hận. Để giảm hòa một cuộc tranh chấp giữa hai tiểu bang đang giành nhau nước dưới con sông làm ranh giới, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 197)

*Ở ngay giữa đám nhân sinh
Dù người hờn oán, nếu mình thành thoi
Sống không thù hận cùng người
Thật là sung sướng, cuộc đời thơm hương.*

Nhưng có lòng từ ái đối với người khác không có nghĩa là phải quên mình. Lúc Đức Phật sắp nhập Niết Bàn, các đệ tử từ bốn phương xa gần tập nập về đánh lễ Ngài. Chỉ có một thầy Tỳ kheo, thay vì làm như các vị khác, lại rút về tịnh thất chuyên cần hành thiền. Khi được hỏi về thái độ ấy, thầy trả lời vì trong ba tháng nữa Đức Phật sẽ nhập diệt nên thầy nghĩ rằng để tỏ lòng quý trọng Ngài, việc làm tốt đẹp nhất là thành tựu đạo quả A La Hán lúc Ngài còn tại tiền. Đức Phật ngợi khen thầy và nhấn mạnh là "Không nên vì mục tiêu của người khác mà lãng quên mục tiêu, sự an lành của chính mình. Hãy nhận định rõ ràng mục tiêu của mình và lập tâm thành đạt mục tiêu ấy":

(Pháp Cú 166)

*Chớ vì lợi ích cho người
Mà quên lợi ích cho nơi chính mình
Mục tiêu giải thoát từ sinh
Ai lo lợi ích cho mình chớ quên
Quyết tâm đạt được cho bền.*

Không nên hiểu lầm là Đức Phật dạy ta nên ích kỷ, chớ có phục vụ kẻ khác một cách vị tha, bất cầu lợi. Trái lại Đức Phật chỉ nhấn mạnh rằng trong khi phục vụ lợi ích cho người cũng đừng quên mục tiêu tự giải thoát cho chính mình. Mình có giác ngộ và giải thoát rồi sau đó đi giúp kẻ khác mới hữu hiệu được hơn.

TÂM BI

"Bi" là lòng thương xót cứu khổ, thương dứt trừ đau khổ cho hết thảy chúng sinh. Bi là động lực làm cho tâm rung động trước sự đau khổ của kẻ khác. Đặc tính của "tâm bi" là ý muốn giúp người khác thoát khỏi cảnh khổ.

Tâm bi là vị thuốc có thể tiêu trừ bệnh hung bạo. Lòng của người có tâm bi thật là mềm dịu. Lắm khi người có tâm bi không ngần ngại hy sinh đến cả tính mạng. Chính do nơi tâm bi mà con người có thể hoàn toàn vị tha trong khi phục vụ kẻ khác, giúp mà không bao giờ mong đền ơn, đáp nghĩa.

Đối tượng của tâm bi là những kẻ nghèo đói, túng thiếu, đau ốm, cô đơn dốt nát, hư hèn và cả những người có đời sống buông lung, phóng dăng tội lỗi. Tâm bi phải bao trùm tất cả chúng sinh đau khổ, rất bao la và bình đẳng. Như Đức Phật xưa kia đã từng tế độ cho một người phụ nữ lạc bước giang hồ và cho cả một tên sát nhân tàn ác, toan hại Ngài. Về sau, cả hai đều theo Ngài và hoàn toàn đổi tính. Bên trong mỗi người, dù xấu xa thế nào cũng ngầm có những tính tốt. Đôi khi chỉ có lời nói phải, đúng lúc, cũng có thể làm đổi hẳn con người. Như vua A Dục ngày xưa, tàn bạo đến nỗi, người đời bấy giờ gọi là "A Dục, con người tội lỗi". Thế mà, khi nghe được lời nói phải của một thầy Sa di trẻ tuổi, ông đổi hẳn lại tính tình, mạnh tiến trên con đường tự giác và trở thành "A Dục, con người hiền đức". Ta nên nhận định rằng, tâm bi của Phật giáo không phải là giọt nước mắt nhỏ sưng gọi là thương xót. Kẻ thù gián tiếp của tâm bi là "âu sâu, phiền não".

Tâm từ và tâm bi thường đi chung với nhau. Trước hết phải dùng tâm từ để trừ giùm đau khổ cho chúng sinh, rồi kế đó dùng tâm từ mà cho họ niềm vui. Như thế, cái vui mới được hoàn toàn. Vậy "bi" là nhân mà "từ" là quả. Người sống có tâm từ bi, có tình thương thì mọi hận thù trên thế gian này sẽ tiêu tan.

Một người có hai bà vợ. Một bà có con và một bà không. Bà không con đem lòng ganh tị, trộn thuốc độc vào thức ăn của bà kia, hại bà kia hai lần hư thai. Đến lần thứ ba, thuốc độc làm cho bà kia đang có mang cùng chết với đứa bé. Bà kia khởi tâm cương quyết báo oán và thực hành ý định. Bà không con bị trả thù, cũng quyết tâm trả thù lại. Thù oán trả qua trả lại, hết bà này đến bà kia, qua lại trong hai kiếp sống liên tục. Tuy nhiên, đến kiếp tái sinh thứ ba, cơ hội đưa đẩy hai bà cùng đến gặp Đức Phật và sau đó nhờ Ngài khuyên giải mà hận thù được chấm dứt:

(Pháp Cú 5)

*Khấp nơi trong cõi dương gian
Hận thù đâu thể xóa tan hận thù
Chỉ tình thương với tâm từ
Làm tiêu oán hận, giải trừ hờn căm
Đó là định luật ngàn năm.*

Cô hầu nhỏ của một ông chồng nọ bắt chọt đem lòng ganh tị bà vợ lớn. Một lần cô đem đồ bỏ nóng lên đầu bà nhưng bà không giận mà còn giải lòng từ bi đến cô, nguyện rằng mình không sân hận, khiến cho bơ nguội lạnh, bà không bị phỏng. Về sau, cô hầu nhỏ ăn năn hối hận và xin sám hối. Bà bảo cô phải lên xin sám hối với Đức Phật trước bà mới bằng lòng quên lỗi. Cô làm theo lời bà và được Đức Phật khuyên rằng "Hãy lấy tình thương mà chế ngự tâm sân, lấy chân thật khắc phục giả dối":

(Pháp Cú 223)

*Lấy từ bi, lấy ôn hòa
Thắng cơn nóng giận bùng ra thét gầm
Lấy hiền lành, lấy thiện tâm
Thắng lòng hung ác bất nhân khó lường
Lấy tâm bố thí cúng dường
Thắng hàng keo kiệt, thắng phường tham lam
Lấy chân thật để đập tan
Những trò hư ngụy, dối gian ở đời.*

TÂM HỖ

"Hỷ" là lòng vui, tự mình vui và mừng giùm cho người được điều thiện. Hay muốn nói cho đủ là tùy hỷ: vui theo, cùng vui với người khác. Phần nghĩa của hỷ là "uru phiền". Hỷ không phải là trạng thái thỏa thích suông, cũng không phải là cảm tình riêng đối với một người nào. Hỷ là lòng cùng vui thích với người khác khi họ có hạnh phúc hay họ được thành công, nhất là khi sự thành công ấy tiến về nẻo thiện, hướng đến mục đích giải thoát.

Lòng "ganh tị" là kẻ thù trực tiếp của hỷ. Nhiều người lấy làm bức tức khi thấy người khác thành công hay vui khi thấy người khác thất bại. Chính tâm hỷ làm tiêu tan lòng ganh tị đó.

Người có tâm hỷ sẽ trực tiếp hưởng nhiều lợi ích do tâm ấy đem lại cho mình hơn cả người khác. Nếu so sánh với tâm từ và tâm bi, tâm hỷ lại càng khó thực hiện. Muốn có tâm hỷ, phải có ý chí mạnh mẽ và hết sức cố gắng. Để tạo sự an vui, hạnh phúc trong đời sống cá nhân cũng như tập thể và vươn mình lên sống đời trong sạch, cao thượng, người Phật tử nên thực hành tâm hỷ.

Một Sa di, con của người gác cửa, nói xấu về tâm bồ thí của tất cả các thiện tín đến chùa, từ đại thí chủ như ông Cấp Cô Độc đến vua Ba Tư Nặc, ngoại trừ những người có họ hàng với chú. Đề cập đến bà con mình thời chú nói: "Ồ! Nhà của bà con tôi cung cấp đầy đủ cho các Sa môn tứ phương!". Vài vị Sư khác muốn tìm hiểu, điều tra và khám phá ra sự thật. Khi các vị này bạch lại với Đức Phật về tác phong thấp hèn của chú Sa di, Đức Phật dạy "Người nào đem lòng khen chê, bất mãn và đố kỵ về những phẩm vật bồ thí thì tâm người ấy chưa được an tịnh. Người bỏ được tính đố kỵ, ganh ghét và không so đo hơn thua thì tâm lúc nào cũng an tịnh":

(Pháp Cú 249)

*Do lòng tin, bởi niềm vui
Người người bồ thí, nơi nơi cúng dường
Kẻ mà tâm xấu bụng lung
Thấy ai được hưởng, trong lòng ghét ganh
Ngày đêm sẽ mãi oán quanh
Không hề an tịnh tâm mình được lâu.*

(Pháp Cú 250)

*Chỉ riêng người hiểu pháp mầu
Nên lòng ganh ghét trước sau diệt trừ
Ngày đêm hương đạo thơm đưa
Cõi lòng an tịnh, tâm tư thanh nhàn.*

-ooOoo-

TÂM XẢ

"Xả" là lòng buông xả ra mọi vật của mình cho tất cả chúng sinh không phân biệt kẻ oán người thân. Xả là bỏ thí, bỏ đi, không chấp, không ghi giữ trong lòng. Xả là trông thấy đúng đắn, nhận định chân chính, suy luận vô tư, tức là không ghét bỏ cũng không luyến ái; không ưa thích cũng không bất mãn. Phản nghĩa của "tâm xả" là "có chấp".

Người cao thượng luôn giữ tâm bình thản trước sự khinh rẻ, phi báng, nguyên rủa. Giữa cuộc thăng trầm của thế gian đó, Đức Phật dạy ta nên luôn bình thản, hành tâm xả, vững chắc như tảng đá sừng sững giữa trời, vững như voi, như mãnh hổ. Ví như gió thổi ngang màn lưới mà không bị vướng trong lưới, tuy sóng giữa chợ người mà ta không luyến ái những lạc thú hào huyền và vô thường của cuộc đời. Như hoa sen từ bùn nhơ nước đục vươn lên, chúng ta cũng vượt lên bao nhiêu quuyến rũ của thế gian để sống trong sạch, tinh khiết, luôn luôn bình tĩnh và an vui.

Kẻ thù trực tiếp của xả là "luyến ái" và kẻ thù gián tiếp của tâm xả là sự "lãnh đạm". Tâm xả lãnh xa lòng tham ái và trạng thái bất mãn. Thái độ vô tư, thân nhiên, an tịnh là đặc tính quan trọng của tâm xả. Người có tâm xả không thích thú trong vui sướng cũng không bức tức trong phiền não. Người có tâm xả đối xử đồng đều giữa kẻ tội lỗi và bậc thánh nhân. Đức Phật luôn khen ngợi, khuyến khích hàng đệ tử thực hành tâm xả.

Xả có bốn thứ. Nếu đem cho người ta đồ vật, của cải thời gọi là "tài xả". Nếu đem giáo pháp, giáo lý cho người thời gọi là "pháp xả". Nếu đem đức không sợ hãi cho người thời gọi là "vô úy xả". Còn tự mình xả bỏ tất cả các mối phiền não thời gọi là "phiền não xả".

Một Tỳ kheo có thói xấu hay moi móc lỗi lầm của người khác để chê bai. Đức Phật dạy "Nếu có ai nói rõ lỗi lầm của người khác và chỉ dạy cho họ cách sửa chữa lại thì đó chẳng phải là một hành động xấu ác đáng chê trách. Trái lại nếu có kẻ nào luôn luôn chỉ trích chửi sãi lầm

của người khác với ý định hiềm độc để nói xấu thời những người như thế không bao giờ đạt được giác ngộ mà chỉ có sự ô nhiễm tăng trưởng trong họ mà thôi":

(Pháp Cú 253)

*Nếu ta thấy được lỗi người
Tâm ta nóng giận tức thời dễ sinh
Tăng thêm phiền não thật nhanh,
Xa lìa an tịnh, quần quanh muện sâu,
Lỗi người chẳng dễ tâm lìa
Còn chi sâu muện, còn đâu não phiền*

Vài thầy Sa di không biết nên theo phá khuấy một vị A La Hán khả kính vì thân hình ngài nhỏ bé thấp lùn. Khi được biết vị thánh tăng tinh tình hiền hòa, chẳng hề tức giận, vẻ mặt luôn bình thản, không chút xao động, Đức Phật dạy rằng chư vị A La Hán giữ mình luôn luôn bình thản trước những lời tán dương hay khiển trách:

(Pháp Cú 81)

*Gió nào lay núi đá cao
Và người trí lớn khác nào núi kia
Tiếng đời trần tục khen chê
Tán dương, phi báng, dễ gì động tâm.*

Theo lời mời của một vị Bà La Môn, Đức Phật và các môn đệ Ngài đến an cư kiết hạ tại làng của ông ta. Nhưng Đức Phật và các Tỷ kheo lăm lức bị bỏ lửng, không được chăm sóc đến, vì vị thí chủ này lãng quên, hơn nữa dân làng địa phương lúc đó đang bị nạn đói kém trầm trọng. Đức Phật và các Tỷ kheo trong thời gian đó phải dùng lúa cho ngựa ăn được cúng dường bởi các người buôn ngựa, nhưng không có ai vì đó mà buồn ý, vẫn tinh tấn tu tập. Đến khi trở về tịnh xá Kỳ Viên các ngài được cung cấp thực phẩm chu đáo nhưng cũng không vì đó mà tỏ ra thỏa thích quá độ. Đức Phật lưu ý rằng người thiện trí vượt lên trên mọi xúc động thường tình, không bao giờ bùng nổ, cũng không bao giờ để tinh thần suy sụp, luôn bình tĩnh trước mọi việc xảy ra:

(Pháp Cú 83)

*Người lành thương mãi lìa xa
Mọi điều dục lạc bỏ qua chẳng bàn,
Người hiền trí gặp vui buồn
Dù đầy hạnh phúc, hay tràn khổ đau
Không hề dao động trước sau
Tinh thần luôn vững, há nào mùng lo.*

Một bà tín nữ có ý muốn thỉnh năm vị Tỷ kheo lão thành về nhà trai tăng. Nhưng tịnh xá lại cử đi năm vị Sa di trẻ tuổi đến nhà bà thọ thực. Bà thí chủ chỉ muốn thỉnh những vị Tỷ kheo nên bà không vui, tỏ vẻ không tôn kính và không dâng cúng vật thực đúng thời khiến các vị Sa di bị đói khát. Về sau bà mới nhận ra phẩm hạnh của các vị Sa di, mặc dầu không được tiếp đãi nồng hậu, vẫn không hề tỏ ra bất mãn. Khi nghe thuật lại câu chuyện, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 406)

*Tỏ ra thân thiết chân tình
Giữa người thù nghịch quanh mình gần xa,
Tỏ ra thiện chí ôn hòa
Với người tính khí thật là hung hăng,
Không còn luyện ái vương mang
Bên người cổ chấp buộc ràng vây quanh,
Bà La Môn thật xứng danh.*

Một ông vua lấy làm thất vọng và âu sầu vì đã bị bại trận ba lần. Ông không thảng nổi kẻ địch là người cháu gọi mình bằng cậu. Người cháu đó là vua A Xà Thế. Ông vua bại trận bỏ cả ăn uống, cứ nằm dài mãi trên giường. Đức Phật luận về hậu quả không hay của cả người thắng lẫn kẻ bại, dạy rằng muốn an vui, chớ ham tranh thắng bại. "Kẻ chiến thắng gây thêm thù hận. Còn người thất trận phải chịu khổ đau ảo não". Sống an hòa là thái độ tốt nhất:

(Pháp Cú 201)

*Khi mà thắng lợi về vang
Sinh ra thù oán ngập tràn. Nguy thay!
Khi mà thất bại chưa cay
Sinh ra đau khổ chất đầy tâm can!
Chỉ bằng thắng bại chẳng màng
Cuộc đời tịnh lạc, bình an vô cùng.*

Hỷ và xả là hai hạnh lành, có tương quan mật thiết, làm nhân làm quả cho nhau. Xả làm nhân cho hỷ, nghĩa là muốn vui theo với người, muốn làm cho người vui, thì trước tiên mình phải dừng chấp, phải xả bỏ những điều ngang trái, những điều thiệt thòi si nhục mà người khác đã làm cho ta.

Trong các truyện về "Tiền thân Đức Phật" ta thấy Ngài từng xả bỏ thân mạng mà cứu giúp chúng sinh. Khi được làm Bồ Tát trên cung trời Đâu Suất, Ngài xả bỏ các sự vui sướng nơi thiên cung mà giáng sinh cứu thế. Trước kia khi còn là một hoàng tử sắp lên ngôi vua, Ngài xả bỏ tất cả đèn đài cung điện, châu báu ngọc ngà, vợ đẹp con khôn, quyền cao chức trọng để mà một thân một mình ra đi tu hành khắc khổ.

Người tu hành phải tập xả dần, xả tất cả. Con tầm sớ dĩ thành bướm bay lượn đó đây, vì nó đã rời bỏ cái kén, dù đó là một cái kén bằng tơ vàng óng ánh, ấm áp, đẹp đẽ mịn màng vô cùng. Nhưng xả mà còn buồn rầu tiếc nuối cho cái mà mình đã bỏ đi thì xả như thế không có ích gì. Xả phải đi đôi với hỷ. Phải xả với vẻ mặt hân hoan, vui mừng như người tù khi tháo gông xiềng xích.

-ooOoo-

MÀU ÁO CÀ SA

Kinh Pháp Cú dành riêng hẳn một phẩm gọi là "Phẩm Tỳ kheo" để đề cập tới các người xuất gia. Những đặc điểm chính của người xuất gia là trong sạch, hoàn toàn độc thân, tự ý sống nghèo nàn, khiêm tốn, đơn giản, phục vụ một cách vị tha, nhẫn nại, bi mẫn và thanh tao nhã nhặn. Ngoài việc học hỏi giáo lý, tu trì "Giới, Định, Tuệ" người xuất gia còn có nhiệm vụ trao truyền những tinh hoa Phật Pháp cho mọi người, tạo cho họ niềm tin đối với Phật Pháp.

Y vàng, hay áo cà sa là một sắc tướng tượng trưng hạnh từ khước, dứt bỏ, xuất gia. Nhuộm y màu vàng để cho bộ y hết đẹp, không còn giá trị vật chất. Sắc tướng bên ngoài của đời sống thiêng liêng đạo hạnh không có nghĩa lý gì nếu không có sự trong sạch bên trong.

Truyện tích kể rằng phần đông thiện tín ủng thuận dâng một bộ y quý giá đến Đại đức Đề Bà Đạt Đa thay vì dâng đến Đại đức Xá Lợi Phất là vị đại đệ tử của Đức Phật. Một vài thiện tín có tâm đạo, thấy Đề Bà Đạt Đa đáp y, ngộ ý rằng thầy không xứng đáng được danh dự ấy. Nhân cơ hội, Đức Phật dạy rằng trong một tiền kiếp Đề Bà Đạt Đa làm thợ săn voi trong rừng. Hắn thấy voi thường quý xuống đánh lễ mỗi khi một vị Phật Độc Giác đi ngang qua. Hắn bèn nghĩ ra mưu kế để săn voi. Hôm sau khi vị Phật cõi áo ra tắm bên bờ suối, hắn lấy trộm y vàng để nguy trang cho để giết voi. Sợ voi bị giết chết đi dần dần, hắn voi đầu đàn khám phá ra mưu kế gian manh đó voi bèn xông lên trước dùng voi quật ngã thợ săn, định giết chết, nhưng thấy bộ y vàng trên người nên tha chết cho hắn. Đức Phật dạy rằng khi tâm chưa rời bỏ

những điều tham dục, không tự kiểm chế được mình và thiếu thành thật thì không xứng đáng mặc áo nhà tu:

(Pháp Cú 9)

*Nếu mà mặc áo cà sa
Lòng còn ô uế, tâm tà quần quanh
Chưa tự chế, thiếu chân tình
Xứng đâu mà khoác vào mình áo kia.*

Nhận thấy rằng xa hoa vật chất là ảo huyền và thú vui vật chất không tạo hạnh phúc thật sự, tu sĩ tự nguyện liả bỏ tất cả sự nghiệp trên đời để khoác trên mình chiếc y vàng và cố ghép mình vào nếp sống hoàn toàn trong sạch. Tuy nhiên, không phải sắc tướng bề ngoài mà là sự thanh lọc bên trong và đời sống gương mẫu làm cho con người trở nên trong sạch. Sự thay đổi từ trong ra ngoài chứ không phải bên ngoài mà thôi.

Một ông quan đại thần sau khi đánh dẹp loạn quân đắc thắng trở về được vua ban thưởng vàng bạc rất nhiều lại tặng thêm một cô vũ nữ tuyệt đẹp. Trong bảy ngày đêm ông hưởng các lạc thú vật chất, tiệc tùng tung bừng. Cô vũ nữ giúp vui. Hôm sau cả đoàn kéo nhau ra bờ sông tắm rửa. Tắm xong lên bờ bày tiệc rượu ca hát. Chiều trở về dinh tiệc vui lại tiếp tục. Cô vũ nữ trang phục lộng lẫy, trong lúc đang múa hát thời ngả lãn ra bất tỉnh, sùi bọt mép rồi chết luôn. Ông rất âu sầu, đến hầu Phật và được nghe Đức Phật giảng giáo pháp. Sau khi nghe xong ông đắc quả A La Hán và nhập diệt luôn, mặc dầu lúc ấy ông ăn mặc rất sang trọng. Các thầy Tỷ kheo bạch hỏi Đức Phật có nên gọi vị ấy là Sa môn không. Đức Phật dạy rằng không nên đánh giá con người bằng y phục “Đặc tính thánh không tùy thuộc ở hình dáng bề ngoài. Sự trong sạch đến từ bên trong, chính sự thanh tịnh bên trong là chính yếu”:

(Pháp Cú 142)

*Người nào sống thật trang nghiêm
Thân tâm an tịnh, giữ gìn đường tu
Bao nhiêu dục vọng diệt trừ
Không hề buông thả hững hờ giác quan
Lại thêm giới hạnh chu toàn
Sinh linh chẳng hại, tính luôn ôn hòa
Dù cho ăn mặc xa hoa
Vẫn là tu sĩ, là Bà La Môn.*

Đức Mục Kiền Liên dùng thần thông đem hai vợ chồng một ông chường khổ rất giàu có nhưng tính keo kiệt đến trước mặt Đức Phật. Khi nghe thuyết Pháp xong cả hai xin quy y. Nghe những vị Tăng sĩ khác tán dương phẩm hạnh của ngài Mục Kiền Liên, Đức Phật lưu ý rằng những vị tốt như Đức Mục Kiền Liên phải làm cho người khác đặt niềm tin nơi mình mà không hề gây tổn hại đến ai, đi trì bình khất thực mà không gây phiền phức cho ai:

(Pháp Cú 49)

*Sa môn khất thực trong làng
Ví như ong lượn nhịp nhàng bên hoa
Kiếm tìm mật nhụy hút ra
Xong rồi tung cánh bay qua cuối vườn*

Một tăng sĩ trụ trì có lòng ganh tỵ với hai vị khách vốn là đại đệ tử của Đức Phật từ xa đến viếng, vì hai vị này được chủ nhà kính mộ. Chủ nhà nổi nóng khiển trách thầy. Thầy lắng mạ chủ nhà và đem câu chuyện bạch lại với Đức Phật. Đức Phật khuyên thầy nên sám hối, không nên ích kỷ và có nhiều tham vọng, không nên chấp điều gì là “ta” và “của ta”. Ngài dạy thêm rằng "Người si mê thường hay tìm danh vọng mà họ không xứng đáng. Muốn địa vị cao trong Tăng chúng, quyền thế trong chùa chiền, danh vọng ngoài xã hội”:

(Pháp Cú 73)

*Kẻ ngu thường muốn hư danh
Ngồi trong Tăng chúng muốn giành chỗ trên,
Trong Tăng viện muốn uy quyền,
Muốn người cung kính đến xin cúng dường.*

(Pháp Cú 74)

*Để cho kẻ tục, người Tăng
Phục ta và phải nghĩ rằng ta đây:
"Chính ta làm được việc này!"
Hay: "Ta ra lệnh đó đây thì hành!"
Kẻ ngu cuồng vọng khoe mình,
Lòng tham, ngạo mạn tăng nhanh với đời.*

Vị Sa di kia xuất thân từ một gia đình khá kính, được thiện tín tới tấp dâng lễ vật cúng dường. Nhưng ông chẳng màng, từ chối tất cả, chấp nhận đời sống đơn độc và nghèo nàn ở chốn rừng sâu. Một ngày tươi sáng vị Sa di thành đạt đạo quả A La Hán. Các vị Tỷ kheo hết lời tán dương phẩm hạnh gương mẫu của vị này. Nghe câu chuyện, Đức Phật mô tả hai con đường khác nhau, một dẫn đến lợi lộc và một đến Niết Bàn. Ngài dạy "Không nên thoả thích trong mùi danh bả lợi của thế gian mà phải trau dồi tâm dứt bỏ":

(Pháp Cú 75)

*Một đường danh lợi thế gian
Một đường đưa tới Niết Bàn cao xa
Tỷ Kheo đệ tử Phật Đà
Nhủ lòng cho rõ để mà bước chân,
Đừng nên tham đắm lợi trần,
Đạo mẫu giải thoát chuyên tâm trau dồi!*

Các vị xuất gia là các bậc mô phạm, thực thụ sống đời sống phù hợp với lời dạy của Đức Phật. Do đó, để chế ngự việc thèm thuồng vật thực, để tâm được nhẹ nhàng khoan khoái, tu sĩ phải sống đời sống giản dị và thanh đạm. Cuộc sống xa hoa sẽ biến con người trở nên nô lệ của tham vọng. Nên ở độc thân, vì tất cả năng lực nhờ đó mà được bảo tồn trọn vẹn để có thể dùng vào việc trau dồi tinh thần và đạo đức cho mình, cho người khác. Phải kiểm soát hành động lời nói và thu thúc sáu căn chặt chẽ. Như vậy, sự tinh tấn sẽ thúc đẩy người xuất gia khước từ những lạc thú trần gian và chấp nhận đời tu sĩ, đi lang thang, rày đây mai đó, không luyến ái một nơi ở nhất định nào, hoàn toàn tự do.

Một vị Tỷ kheo cất vật thực để sau này dùng. Đức Phật khuyên thầy không nên làm như vậy và giải thích thêm tác phong chân chính của một vị Tỷ kheo thuần thành:

(Pháp Cú 92)

*Không màng tài sản chứa đầy
Uống ăn chừng mực qua ngày để tu
Thoát vòng đau khổ, ưu tư
Thành thoi theo cánh gió đưa Niết Bàn
Như chim bay giữa không gian
Tìm chim, dấu vết vô vàn khó thay.*

Vì thiện tín đem vật thực dồi dào dâng đến một Đại đức nên có vài vị Tỷ kheo bàn tán rằng Đại đức đã dẫn dụ các thí chủ làm như vậy để tỏ ra mình có nhiều uy tín. Đức Phật dạy rằng chính tâm trong sạch bỏ thí của thiện tín tự nhiên phát sinh chứ không phải do Đại đức xúi giục, người không ô nhiễm không mất thì giờ để nói chuyện về "tứ vật dụng" là bốn món cần thiết cho đời sống Tỷ kheo. Ngài dạy "Người đã tận diệt được lòng ham muốn, không còn

ngihtới cao lương mỹ vị, đã thành đạt giải thoát, không còn bị dục lạc kích thích, thì đường đi của họ thênthang, tự do và thoải mái như đường của chim bay giữa không trung”:

(Pháp Cú 93)

*Nhiễm ô, ham muốn diệt ngay
Uống ăn chừng mực qua ngày để tu
Thoát vòng đau khổ, ưu tư
Thành thoi theo cánh gió đưa Niết Bàn
Như chim bay giữa không gian
Tìm chim, dấu vết vô vàn khó thay.*

Tỳ kheo đúng theo nghĩa là người đi xin. Các thầy chi lạng lẽ đứng trước cửa để người ta rót thức ăn vào bát và chỉ sống với vật thực nào mà người thí chủ vui lòng đặt vào bát một cách hồn nhiên. Nhưng không phải chỉ vì lý do giản dị là đi xin kẻ khác mà người ấy là Tỳ kheo. Tỳ kheo phải là người đã chấp nhận toàn thể giới luật. Có liên quan đến đời sống Tỳ kheo. Một vị Bà La Môn từ bỏ thế gian để sống đời đạo sĩ du phương khát thực. Một hôm ông gặp Đức Phật và thỉnh cầu Đức Phật gọi ông là Tỳ kheo vì ông cũng đi trì bình khát thực như những tu sĩ Phật Giáo. Đức Phật đáp rằng không phải chỉ đi khát thực mà trở thành Tỳ kheo:

(Pháp Cú 266)

*Chỉ đi khát thực từng nhà
Làm sao đủ gọi được là Tỳ Kheo,
Người tu chân chánh phải theo
Bao nhiêu giới luật là điều tối cao
Gọi Tỳ Kheo xứng làm sao,
Chỉ riêng khát thực lẽ nào xứng danh.*

Đức Phật còn nhấn mạnh thêm rằng người phẩm hạnh cao, vượt khỏi cả thiện lẫn ác, có trí tuệ thông suốt, mới đáng gọi là thầy tu. Vượt xong điều thiện là siêng năng làm các điều lành, làm điều lành đã quen, đã siêng, nên chẳng cần cố gắng, chẳng thấy khó nhọc chi, nên gọi là vượt xong điều thiện. Vượt xong điều ác là bỏ dứt được các điều bất thiện:

(Pháp Cú 267)

*Bao nhiêu thiện, ác vượt xong
Tu hành thanh tịnh, tác phong cao vời
Sống đầy hiểu biết ở đời
Xứng danh được gọi là người Tỳ Kheo.*

Nhân một nhóm tăng sĩ trong khi an cư kiết hạ tại một vùng đã âm mưu giả vờ tăng bóc nhau. Người này khoe người kia thành đạt quả vị này hay quả vị khác nhưng thật sự không có ai chứng đắc được gì hết. Họ làm như vậy để được thiện tín cúng dường dồi dào trong khi vùng đó đang bị đói khổ, thực phẩm khan hiếm. Đức Phật chê trách thái độ “tăng thượng mạn” đó. “Tăng thượng mạn” là sự khoe khoang của người tu hành, chưa chứng đắc quả vị mà tự nhận đã chứng đắc. “Tăng” là gia tăng thêm lên. “Thượng” là trên. “Mạn” là kiêu căng, tự cao, tự đại:

(Pháp Cú 308)

*Hay phá giới, chẳng tu hành
Thả nước sôi đổ vào mình nóng ran
Như cho lửa cháy đốt thân
Còn hơn thọ lãnh nhân dân cúng dường.*

Vị tu sĩ nọ đang hành thiền trong một khu vườn chơi. Một kỹ nữ cũng có hẹn hò với một người đàn ông trong khu vườn ấy, nhưng người này không đến. Chờ người hẹn mãi mà không thấy, cô gặp nhà sư đang ngồi một mình. Thấy diện mạo tuấn tú của vị tu sĩ cô mới sinh lòng

quyển luyến và lại gần trêu ghẹo, quyến rũ. Nhà sư bị kích động, vừa sợ hãi vừa cảm thấy toàn thân được một sự thoải mái lâng lâng tràn ngập. Dùng thiên nhãn thấy vậy, Đức Phật xuất hiện trước mặt vị Tỳ kheo và dạy rằng khi ngồi thiền thời nên chọn nơi rừng sâu vắng vẻ mới khỏi bị sa ngã. Người đã dứt bỏ dục vọng, thích ở ẩn dật, nơi mà người trần tục không thích ở:

(Pháp Cú 99)

*Núi rừng tịnh lạc, nên thơ
Nhưng người phạm lại không ưa chốn này,
Riêng người giải thoát khác thay
Tỏ ra thích ở nơi đây vô cùng
Vì bao dục lạc dứt xong.*

Một vị Tăng sĩ nọ có thói quen, mỗi khi tranh luận với ai mà thấy đuối lý thời mời người ấy đến một nơi khác, vào một giờ hẹn trước, để tiếp tục thảo luận cho ra lẽ. Nhưng đến ngày hẹn, thầy lại tới chỗ hẹn trước giờ và tuyên bố là vị kia đã thua tài biện luận của mình vì không thấy đến nơi hẹn. Khi câu chuyện được bạch lại với Đức Phật, Đức Phật giải thích thái độ của người thật sự đáng là Tỳ kheo "Chẳng phải cạo tóc đầu mà có được danh nghĩa Sa môn. Kẻ đã dứt trừ xong mọi ác ý mới là Sa môn":

(Pháp Cú 264)

*Người mà nói dối, nói sai
Lại thêm phá giới, sống đời buông lung
Dù đầu cạo tóc hết luôn
Cũng chưa xứng gọi Sa Môn tu hành
Huống còn tham dục đầy mình
Làm sao lại xứng trở thành Sa Môn.*

(Pháp Cú 265)

*Bao nhiêu điều ác ở đời
Dù cho lớn, nhỏ ai người dứt luôn
Chính nhờ điều ác không còn
Xứng danh được gọi Sa Môn tu hành.*

Vài vị Tỳ kheo đã thành đạt những tiến bộ tinh thần khá cao nhưng không kiên trì tinh tấn để đắc quả A La Hán ngay. Họ nghĩ rằng họ đã thành công trong việc tu tập như thế thời dễ dàng có thể trở thành A La Hán lúc nào cũng được. Họ đến yết kiến Đức Phật và nói lên ý nghĩ đó. Ngài khuyên "Chẳng phải vì thuộc giới luật, học rộng, nghe nhiều, chứng ngộ tu thiền, sống cô độc mà tự mãn khi chưa thành đạt mục tiêu cuối cùng, khi mà mê lầm, phiền não còn trong tâm". Các Tỳ kheo nhờ đó mà tinh tấn tu tập hơn và chứng quả:

(Pháp Cú 271 - 272)

*Không vì giới luật luôn theo
Không vì học rộng, nghe nhiều giới thêm
Không vì chứng ngộ tu thiền
Hay là cô độc sống riêng một mình
Mà cho là đã đạt thành
"Niềm vui giải thoát, hương lành xuất gia
Phạm phu không thể sánh qua!"
Tỳ Kheo chớ có tỏ ra bằng lòng
Khi mà trừ diệt chưa xong
Mê lầm, phiền não còn trong tâm mình.*

Năm thầy Tỳ kheo, mỗi thầy tự chế một giác quan. Các thầy bạch hỏi Đức Phật để biết giác quan nào khó chế ngự hơn hết. Đức Phật dạy điều phục giác quan nào, căn nào, cũng khó như nhau, nhưng người tu hành đồng thời phải chế ngự được đủ các căn mới tiến đến được giải thoát:

(Pháp Cú 360 - 361)

*Người nào chế ngự được ngay
Mắt, tai, mũi, lưỡi: lành thay vô ngần!
Lại thêm chế ngự được thân
Cũng như lời nói và tâm ý mình
Nói chung quả thật tài tình!
Tỳ Kheo nào bản thân mình thật hay
Chế ngự xong mọi điểm này
Khổ đau giải thoát, đọa đày tiêu tan.*

Một Tỳ kheo có tài ném đá, trảm phát trúng cả trảm. Một hôm thầy ra tắm sông cùng một số bạn đồng tu. Muốn khoe khoang tài của mình, thầy liệng cục đá vào đầu một trong hai con thiên nga đang bơi lội gần đó, làm nó bị chết. Đề khuyến dạy, Đức Phật giải thích trạng thái thích đáng mà một người Tỳ kheo cần phải có:

(Pháp Cú 362)

*Người nào chế ngự tay chân
Giữ gìn lời nói và tâm ý mình
Thích ưa thiền định nhiệt thành
Độc thân, tự tại, tu hành cố liêu
Biết đầy đủ, chẳng ham nhiều
Xưng danh là bậc Tỳ Kheo vô cùng.*

Một thầy Tỳ kheo đã lãng mạ hai vị đại đệ tử của Đức Phật là các tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên nên bị đọa địa ngục. Đức Phật nhân cơ hội này dạy rằng một Tỳ kheo phải kiểm soát lời nói, ăn nói hiền từ hoà nhã, không tự phụ, thì khi diễn bày ý nghĩa của kinh điển lời sẽ êm dịu rõ ràng. Ăn nói khôn khéo ở đây có nghĩa là trí tuệ:

(Pháp Cú 363)

*Tỳ Kheo ngôn ngữ thuần rồi
Nói câu khôn khéo, tránh lời tự cao
Thì khi giảng Pháp ngọt ngào
Muôn phần êm dịu, xiết bao rõ ràng*

Một vị Tăng sĩ biết Đức Phật sắp nhập Niết Bàn, cố tránh không làm theo những vị khác. Thầy rút về tịnh thất mình, lấy giáo pháp làm đề mục hành thiền nhằm thành đạt quả A La Hán. Vì hiểu lầm thái độ của thầy, các vị khác đem câu chuyện bạch lại với Đức Phật. Khi nghe thầy đó giải thích ý định của mình, Đức Phật tán dương thầy:

(Pháp Cú 364)

*Tỳ Kheo chánh pháp tuân theo
Một lòng suy tưởng, mến yêu đạo mẫu
Tư duy chánh pháp thâm sâu
Sẽ không sa đọa. Chẳng bao giờ rời
Mãi theo chánh pháp tuyệt vời.*

Một thầy Tỳ kheo nhận lời mời của một đệ tử của Đề Bà Đạt Đa đến tu viện riêng của Đề Bà Đạt Đa và sống vài ngày trong sự tiếp đón nồng hậu của chủ. Khi trở về chùa, các vị khác đem câu chuyện bạch lại với Đức Phật. Đức Phật khuyến dạy thầy và các vị khác là "nên biết đủ" và "đừng khinh thường những gì mình thọ lãnh":

(Pháp Cú 365)

*Điều mình thọ lĩnh được rồi
Chớ nên coi rẻ, buông lời khinh khi,
Người ta thọ lĩnh được chi
Chớ thêm, chớ muốn thứ gì của ai,
Tỳ Kheo ganh tỵ người ngoài
Khó mà an trú cho nơi tâm mình
Bao điều thiên định tốt lành.*

(Pháp Cú 366)

*Tỳ Kheo thọ lĩnh cúng dường
Ít nhiều cũng chẳng coi thường khinh chê
Cứ luôn sinh hoạt mọi bề
Siêng năng, thanh tịnh không hề buông lơi
Chư thiên khen ngợi hết lời.*

Từ bi chất chứa trong tâm và Tỳ kheo luôn luôn đem nguồn vui đến cho mọi người, cứu khổ mọi loài. Tỳ kheo lấy từ tâm đối xử với mọi người, vui thích với giáo pháp, sẽ đạt đến cảnh giới an lạc và được giải thoát khỏi sầu khổ:

(Pháp Cú 368)

*Tỳ Kheo chất chứa trong tâm
Từ bi hoa nở hương thầm bay xa
Vui trong giáo pháp Phật Đà
Sẽ mau đạt cảnh thăng hoa Niết Bàn
Nhanh siêu thoát, sớm bình an
Chẳng còn phiền não, vô vàn sướng vui.*

Người dứt bỏ thăng thức sẽ vượt qua trần lụy, "vượt dòng nước lũ mênh mông", tức là đã giác ngộ và giải thoát:

(Pháp Cú 370)

*Tỳ Kheo nào cắt đứt xong
Năm điều phiền não chẳng còn vẩn vương,
Năm điều ô trước dứt luôn,
Năm căn lành tốt tìm phương trau dồi,
Năm điều trói buộc vượt rồi
Xứng danh được gọi là người thành công
"Vượt dòng nước lũ" mênh mông.*

Cắt đứt được năm điều phiền não là: cái tôi, hoài nghi, cố chấp sai lầm trong nghi thức cúng tế, luyến ái và sân hận. Dứt bỏ được năm điều ô trước là: tham ái, sân hận, phóng dật, kiêu căng và mê muội. Trau dồi năm căn lành tốt là: lòng tin nơi "Tứ Diệu Đế", ý niệm chánh pháp, quyết tâm tu tập, tâm không vọng động và suy xét hiểu rõ chân lý. Vượt khỏi năm điều trói buộc là: tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn và tà kiến.

Đức Phật dạy rằng Tỳ kheo phải chuyên cần hành thiền, đừng xao lãng, phải hết sức chú ý và tập trung tư tưởng, theo dõi hơi thở, giữ chánh niệm và tỉnh giác, đừng để tâm chạy theo dục lạc. Không vì phóng túng mà nuốt hờn sắt nóng dục lạc. Lúc cháy phồng mới ăn năn, than thở thì đã muộn rồi:

(Pháp Cú 371)

*Tỳ Kheo hãy cố tu thiền
Chớ nên buông thả, chớ nên lơ là
Tâm mình ai dục tránh xa*

*Đừng chờ nước sôi mà kêu than:
"Thân thiêu đốt khổ vô vàn!"*

Tỳ kheo sống nơi tĩnh mịch thời tâm yên tịnh. Hiểu rõ chánh pháp thì sẽ hưởng được niềm vui cao thượng hơn các niềm vui của người trần thế:

*(Pháp Cú 373)
Tỳ Kheo ẩn dật sống nhàn
Luôn luôn yên tịnh vô vàn trong tâm
Bao điều chánh pháp nhận chân
Sẽ vui hưởng thú siêu nhân hơn người.*

Người suy niệm biết rõ lẽ sinh và diệt của "ngũ uẩn", của năm nguyên tố hòa hợp lại tạo thành thân và tâm con người, thì sẽ hình dung được niềm vui và hạnh phúc của những người đã thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi:

*(Pháp Cú 374)
Ai mà suy nghĩ, nhận chân
Lẽ sinh diệt của thân tâm này rồi
Thân tâm ngũ uẩn con người,
Hưởng ngay hạnh phúc, niềm vui tốt lành
Của người thoát khỏi tử sinh.*

Tỳ kheo có trí tuệ phải lo chế ngự lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), tự biết đủ, nghiêm trì giới luật, giao thiệp với những người có đức hạnh, trong sạch và chuyên cần. Phải chân thành thân thiện, đôn chính, thanh cao. Tỳ kheo đó sẽ dứt sạch phiền não, có nhiều niềm vui:

*(Pháp Cú 375 - 376)
Tỳ Kheo có trí hiểu rằng
Phải lo chế ngự lục căn cho lành,
Tự mình biết đủ phần mình,
Đạo mẫu giới luật nghiêm mình giữ gìn
Kết thân với các bạn hiền
Có tài, có đức lại thêm chuyên cần.
Chân thành giao thiệp xa gần
Tác phong đôn chính muốn phần thanh cao,
Được như vậy tốt là bao
Xua đi phiền não, đón vào sướng vui.*

Năm trăm vị Tỳ kheo đi vào rừng vắng tu tập thiền định. Nơi đây các vị đó quan sát những cánh hoa lài nở tươi đẹp vào buổi sáng rồi đến chiều thì tàn úa rơi xuống đất. Các vị đó suy niệm và nung chí lên, chuyên cần hành thiền. Đức Phật biết vậy, rọi hình ảnh Ngài trước mặt các thầy và dạy "Này các Tỳ kheo! Hãy dứt bỏ trọn vẹn tham, sân, như bông lài buông rơi những cánh hoa tàn":

*(Pháp Cú 377)
Như hoa lài lúc héo tàn
Buông rơi cánh úa theo làn gió kia,
Tỳ Kheo theo đó khác chi
Tham và sân xả hết đi mọi đường.*

Thuở ấy có một thầy Tỳ kheo ở chùa Kỳ Viên rất an tịnh, nhàn nhã. Tính tình trầm tĩnh, đi đứng nghiêm trang, thường ngồi, nằm nơi vắng vẻ, ít nói, ít tiếp chuyện với bạn đồng tu. Tác phong tự tại của thầy làm mọi người lưu ý. Mọi người mới đến thưa trình cùng Đức Phật. Đức

Phật cho biết kiếp trước thầy Tỳ kheo này là một con sư tử chúa, dáng điệu rất oai vệ, sẵn được mời, ăn xong liền nằm im lặng lẽ. Ngài dạy các Tỳ kheo nên noi theo gương đó:

(Pháp Cú 378)

*Tỳ Kheo thanh tịnh bản thân
Ôn hòa ngôn ngữ, bình an tâm hồn
Ung dung tự tại luôn luôn
Không màng dục lạc thế nhân thường tình
Con người an tịnh xứng danh!*

Một Tỳ kheo say mê phẩm hạnh của Đức Phật, cứ mãi ngồi chiêm ngưỡng dung nhan Ngài. Đức Phật khuyên Thầy không nên làm vậy và dạy rằng người nào thầy giáo pháp tức là thầy Phật. Thầy bất mãn, trèo lên một tảng đá, toan từ đó nhảy xuống quyên sinh, Đức Phật thấy vậy xuất hiện trước mặt thầy. Gặp Đức Phật, thầy vượt qua cơn sầu và cảm thấy hoan hỷ. Nhân cơ hội Đức Phật đọc lên câu kệ sau đây. Thầy cố gắng hành thiện và về sau đắc quả A La Hán:

(Pháp Cú 381)

*Tỳ Kheo hoan hỷ bản thân
Tin theo Phật pháp với tâm chân thành
Sẽ mau đạt cánh an lành
Thân tâm phiền não sớm thanh tịnh liền.*

Đức Phật tuyên ngôn những lời sau đây khi tán dương một thầy Tỳ kheo trẻ tuổi có nhiều oai lực thần thông:

(Pháp Cú 382)

*Tỳ Kheo tuy trẻ tuổi thôi
Nhưng mà Phật pháp tu thời siêng năng
Sẽ là ánh sáng huy hoàng
Rạng soi toàn cõi thế gian mịt mờ
Như trắng ra khỏi mây mù.*

Đức Phật không quên nhắc nhở các vị Sa môn xuất gia, phải biết tôn trọng áo cà sa và gìn giữ giới hạnh. Đức Mục Kiền Liên thấy một con quý đỏi có hình dáng như một bộ xương khô. Lần khác thấy những con quý hình dáng Sa môn đang phùng phùng bốc cháy. Ngài về trình lại cho Đức Phật nghe. Ngài giải thích rằng đó là các tăng sĩ ô nhiễm trong kiếp sống ở quá khứ nay chịu hậu quả này:

(Pháp Cú 307)

*Dù cho mặc lấm cà sa
Nhưng mà hạnh ác, gian tà chẳng ngăn
Sau vì nghiệp ác mình làm
Chết vào địa ngục gian nan đọa đày.*

Một Tỳ kheo vô ý cắt đứt một nắm cỏ, phạm vào giới luật cấm đốn cây. Tuy đã theo đúng thủ tục thủ tội với bạn đồng tu nhưng trong tâm tu sĩ đó vẫn còn thắc mắc. Một Tỳ kheo khác khuyên rằng đó là giới cấm nhỏ, không đáng để ý, vị này có tính ngang nhiên tự phụ nên khuyên xong bèn tự mình cúi xuống nhổ một nắm cỏ, coi đó là việc tầm thường. Đức Phật dạy là chớ lơ là trong việc giữ gìn giới luật. Tương tự như lá cỏ sắc bén tựa lưỡi dao, nếu chẳng khéo cầm giữ sẽ bị đứt tay. Kẻ tu hành mà không giữ giới hạnh nghiêm túc sẽ bị sa vào địa ngục. Theo tà hạnh sẽ đưa đến đau khổ:

(Pháp Cú 311)

Cỏ kia sắc tựa lưỡi dao

*Những người vụng dại nắm vào đứt tay,
Sa Môn tà hạnh còn đây
Tất nhiên địa ngục đọa ngay tức thì.*

(Pháp Cú 312)

*Ai mà phóng dăng buông lung
Không theo giới cấm, vô cùng nhiễm ô
Sống đời đạo hạnh đáng ngờ
Không sao chúng quả, khó mà thành công.*

Gặp việc đáng làm thì phải làm cho tận tâm. Tu hành mà không giữ giới cho nghiêm túc, thì sẽ bị lục trần và dục vọng lôi cuốn vào đường tội lỗi. Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 313)

*Việc cần làm, phải nên làm
Làm cho hết sức, tận tâm, nhiệt tình,
Xuất gia mà chẳng giữ mình
Hành vi phóng dăng, tu hành buông lung
Chỉ gieo cát bụi cho đời.*

Sau khi đã tìm hiểu một số lời dạy của Đức Phật với chư Tăng, Ni, chúng ta đã hình dung ra được phần nào nếp sống chân chính của những người đang khoác trên mình màu áo cà sa khả kính. Trở lại với chính hình ảnh của Đức Phật từ thuở xa xưa, chúng ta thấy trên mọi nẻo đường khát thực và hoằng hóa, Ngài luôn luôn đi chân không và đi bộ với bình bát trên tay. Giản dị chỉ có thế. Dung dị trong bộ áo cà sa, trong tâm y vàng có những lúc chỉ là y phấn tảo. Tắm lót ngồi làm bằng cỏ khô đan lại. Có những lúc Ngài trú mưa qua một đêm trong một chái nhà lá của thợ làm đồ gốm một mình. Ngài sinh ra dưới cội cây, và nhập Niết Bàn cũng dưới cội cây, chỉ đơn giản nằm nghiêng trên chiếc võng dây treo giữa hai cây Ta la song đôi. Cuộc sống dung dị nhưng nét thơ mộng biết bao! Đẹp đẽ biết bao! Xúc cảm biết bao! Chính những hình ảnh, những nét vẽ dung dị đó là những hào quang tối thượng và kỳ diệu nhất để cho chúng ta chiêm ngưỡng. Nội dung giáo hoá của Đức Phật vẫn luôn là Giới, Định, Tuệ qua thân giáo và khẩu giáo.

Cần nhấn mạnh lại ở đây rằng Đức Phật đã định rõ giá trị lý tưởng của một người tu xuất gia phải căn cứ vào cá tính và thái độ, hơn là vào hình dáng, hơn là vào bộ áo cà sa mà quý vị đó đang khoác bên ngoài.

-ooOoo-

HƯƠNG VỊ GIẢI THOÁT

Trong Kinh Pháp Cú có một số bài khá phong phú đề cao chánh pháp vì chánh pháp đóng một vai trò rất quan trọng trong trách nhiệm phát huy chánh kiến, tu tập trí tuệ, đưa người hành giả dần đến mục đích giác ngộ và giải thoát. Chánh pháp cũng giữ một vai trò rất quan trọng trong trách nhiệm hướng dẫn quần sinh. Chúng ta nhớ lại lời căn dặn của Đức Phật trong kinh Đại Bát Niết Bàn: "Này A Nan, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình y tựa chính mình, chớ y tựa người khác. Dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ tựa."

Nhờ chánh pháp người trí được an tịnh. Truyền tích kể rằng một thiếu nữ về nhà chồng không được bên chồng chấp thuận vì không có cửa hồi môn (theo tập tục thời bấy giờ ở Ấn Độ). Mẹ cô đã dâng tất cả sự nghiệp đến chư Tăng. Người thiếu nữ bị hắt hủi, cho rằng các Tăng đã hại hạnh phúc của cô, cô đâm ra thất vọng và nguyên rủa các Tăng. Đức Phật thuyết Pháp cho cô nghe và tâm cô trở nên an tịnh:

(Pháp Cú 82)

*Như là hồ nước thăm sâu
Phổ dòng phẳng lặng, khoe màu sạch trong
Những người có trí, có lòng
Khi nghe chánh pháp cũng không khác gì
Thân tâm tịnh lạc kể chi.*

Khi lời giáo huấn được giảng bày minh bạch, những người theo chánh pháp mà tu hành sẽ vượt khỏi kiếp sống trần tục, nơi mà dục vọng chế ngự và thường là khó thoát, để qua được đến bờ bên kia là cõi Niết Bàn, được giải thoát hoàn toàn. Những người có tâm đạo, cùng ở dọc theo một con đường nọ, quyết định để bất cứ đường chư Sư và nghe giảng giáo pháp suốt đêm. Nhưng khi về khuya vài người không chịu nổi nên trở về nhà. Vài người khác ở lại nhưng không ngớt ngủ gục. Nghe câu chuyện, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 86)

*Ai mà có đủ duyên may
Được nghe chánh pháp giảng bày phân minh
Đúng theo chánh pháp tu hành
Sẽ mau thoát cảnh tử sinh bờ này
Trùng dương dục vọng vượt ngay
Bên kia bờ giác dang tay đón chờ.*

Sống một ngày mà chúng ngộ trạng thái bất diệt của cõi Niết Bàn là không sinh, không già, không chết quý hơn sống cả thế kỷ mà không chứng. Một thiếu phụ trẻ tuổi mất đứa con duy nhứt. Bà ôm con chạy đi tìm phương cứu chữa. Bà đưa con đến Đức Phật cầu cứu và Ngài khuyên bà nên tìm cho Ngài một ít hột cải trong nhà nào chưa từng có người chết. Hột cải thì bà tìm được, nhưng không gặp nhà nào chưa từng có người chết. Anh sáng chân lý bùng phát sinh. Khi trở về được nghe giảng giáo pháp, bà xuất gia làm Tỷ kheo ni. Ngày kia, khi nhìn một ngon nên chấy chập chồn trước gió bà suy niệm về lý vô thường của đời sống. Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 114)

*Trăm năm sống chẳng nhận ra
Pháp kia bất tử. Thật là uống thay!
Chẳng bằng sống chỉ một ngày
Mà rồi giác ngộ thấy ngay Niết Bàn
Nơi bất diệt, đẹp vô vàn
Không trò bệnh lão, không màn tử sinh.*

Một ngày nhận thấy giáo pháp chân lý tối thượng quý hơn sống cả thế kỷ không thấy. Một thiếu phụ khá giả có đồng con, bảy trai và bảy gái. Theo lời yêu cầu của các con bà phân phối hết tài sản cho chúng vì chúng hứa sẽ cung phụng bà đầy đủ. Nhưng về sau những đứa con bất hiếu ấy lãng quên, không chăm sóc bà. Bà hết sức thất vọng và xuất gia làm Tỷ kheo ni. Bà chuyên cần suy niệm về giáo pháp. Đức Phật giảng cho bà tầm quan trọng của chánh pháp:

(Pháp Cú 115)

*Trăm năm sống chẳng nhận ra
Pháp kia tối thượng. Thật là uống thay!
Chẳng bằng sống chỉ một ngày
Mà hay rằng giáo pháp đầy thâm sâu
Dạt dào chân lý tối cao.*

Một câu chánh pháp dù ngắn cũng hữu ích. Người kia đi biển, thuyền bị đắm, cố gắng nhọc nhằn lắm mới lội được vào bờ. Không còn quần áo, ông lấy vỏ cây che đỡ thân mình. Dân làng thấy ông ăn mặc như vậy tưởng lầm ông là một vị A La Hán. Nhận định sự điên cuồng

ây, ông tìm yết kiến Đức Phật. Ngài đang trên đường đi khát thực nhưng thấy đủ cơ duyên nên dừng lại bên đường giảng vấn tất cho ông một bài pháp ngắn. Được cảm hóa bằng những lời dạy hữu ích, đây trí tuệ, tâm ông khai ngộ và đắc quả A La Hán. Các Tỳ kheo ngạc nhiên về ích lợi của bài pháp ngắn. Đức Phật dạy “Ngàn câu vô dụng không bằng một câu hữu ích”:

(Pháp Cú 101)

*Kệ kia nói đến ngàn câu
Nếu đều vô nghĩa, ích đâu cho đời
Một câu nói cũng đủ rồi
Nếu đầy nghĩa lý, mọi người mừng thay
Nghe xong tâm tịnh lạc ngay.*

Một Tỳ kheo sống trong rừng chỉ thuộc một câu kinh và trong những ngày giới thường đọc câu ấy. Chư Thiên trong vùng hết lòng hoan nghênh. Hai Tỳ kheo khác, vốn thuộc nhiều kinh kệ, cũng đến nơi ấy thuyết Pháp nhưng không được chư Thiên hoan nghinh. Bất mãn, hai vị bỏ đi. Khi trở về bạch lại với Đức Phật về thái độ của chư Thiên. Ngài dạy “Chánh pháp là để hành trì chứ không phải để nói suông”:

(Pháp Cú 259)

*Nào đâu cứ phải nói nhiều
Là người chánh pháp chuyên theo hộ trì,
Ai tuy ít học, ít nghe
Nhưng mang chánh pháp quyết đi thực hành
Chẳng buông lung, rất tâm thành
Hộ trì như vậy xứng danh hàng đầu.*

Nhờ chánh pháp soi đường, nên trí tuệ phát triển, có thể chiến thắng ma quân dục vọng và cuối cùng đưa đến giác ngộ và giải thoát. Nhiều Tăng sĩ đang hành thiền trong rừng bị các vị Trời ngụ trên cây làm chao động, họ trở về thỉnh giáo với Đức Phật. Ngài khuyên các thầy nên rài tâm từ đồng đều đến tất cả. Hành đúng lời dạy, về sau những vị ấy được chư Thiên hộ trì. Đức Phật dạy “Nên nhớ rằng thân ta mong manh như cái lọ sành, hãy giữ tâm mình vững như thành trì”:

(Pháp Cú 40)

*Thân như đồ gốm mong manh
Giữ tâm cho vững như thành vây quanh
Với gương trí tuệ tinh anh
Hãy mau đánh dẹp tan tà quân Ma
Đẹp Ma dục vọng quấy ta
Thắng rồi nỗ lực để mà tiến thêm
Giữ gìn chiến thắng cho bền
Vượt vùng luyến ái, thoát miền nhiễm ô.*

Sống theo chánh pháp thời tiếng lành gia tăng. Vùng kia bị dịch hạch hoành hành. Vợ chồng viên chương khổ trước khi chết chỉ cho con trai chôn kho tàng và bảo con trốn đi mới thoát chết. Mười hai năm sau chàng con trở về. Tuy giàu có nhưng sợ nguy đến bản thân nên sống khiêm tốn, đi làm công lam lũ. Nhà vua có tài nhận biết người khi nghe tiếng nói. Nghe tiếng anh nói, vua biết đây là một người giàu có. Về sau vua điều tra và tìm ra sự thật. Vua bổ nhiệm anh làm chương khố và gả công chúa cho. Khi anh được vua giới thiệu đến Đức Phật thì Đức Phật diễn tả những đặc tính của người sung túc như sau:

(Pháp Cú 24)

*Luôn cố gắng, chẳng buông lung
Nghĩ suy chín chắn, tâm lòng hăng say
Bản thân tự chế hàng ngày*

*Sống theo chánh pháp, tốt thay cuộc đời
Tiếng lành tăng trưởng mãi thôi.*

Đức Phật là bậc đạo sư vĩ đại. Ngài đã khám phá ra con đường xuyên qua cách rừng vô minh đen tối, và muốn chỉ cho chúng ta thấy con đường đó nếu chúng ta có đủ trí tuệ sáng suốt để

lắng nghe những gì Ngài nói. Nước biển mênh mông vô tận nhưng đều bắt từ nguồn. Dù là nước trăm sông nhưng đều đổ về biển cả và thuận một vị, đó là vị mặn. Giáo Pháp Đức Phật thuyết giảng trong gần nửa thế kỷ cũng thế, dù nhiều vô lượng nhưng chỉ có một vị, đó là vị giải thoát, là Bồ Đề, là Niết Bàn tịch tĩnh.

Với lòng từ mẫn thương xót chúng sinh, Đức Phật thấy rõ chúng sinh ít người bỏ ác làm lành, ít người hướng tìm giải thoát. Trong nhân loại rất ít người qua được đến bờ bên kia là bờ giải thoát giác ngộ, là cõi Niết Bàn. Phần đông đám người còn lại chỉ cam tâm quanh quẩn xuôi ngược ở bờ bên này là bờ của bất thiện, của trôi buộc, của đau khổ, của cảnh giới sinh tử trần gian. Phần đông sinh trở đi trở lại trên thế gian này.

Truyện tích kể rằng những người có tâm đạo, cùng ở dọc theo một con đường nọ, quyết định để bát cúng dường chư Sư và nghe giảng giáo pháp suốt đêm. Nhưng khi đêm về khuya vài người không chịu nổi nên trở về nhà. Một số thì lo hờn lo giận. Vài người khác ở lại nhưng không ngủ được, không một giọt pháp nào lọt vào tai. Nghe câu chuyện, Đức Phật giải thích bản chất của người thế gian:

(Pháp Cú 85)

*Đám đông nhân loại quanh ta
Ít người đạt được tới bờ bên kia
Còn bao kẻ khác kể chi
Ngược xuôi quanh quẩn sớm khuya bờ này
Trăm luân sinh tử thương thay!*

Con đường Giới Định Tuệ của Đạo Phật dẫn khách lữ hành dần thân trên đạo lộ giải thoát, tiến dần đến Niết Bàn, đích cứu cánh của mọi con đường, một trạng thái an lành giải thoát chờ đợi người lữ hành.

Truyện tích kể rằng nhân dịp làm hôn lễ cho người con gái trẻ tuổi, gia đình nọ thỉnh Đức Phật và tám mươi vị Tỷ kheo về nhà để cúng dường. Trong lúc thấy cô dâu đang lẳng xăng lui tới mãi tiếp khách thì chú rể đứng nhìn cô dâu chăm chăm, trong lòng rộn rã và sinh lòng tham dục, chỉ say đắm nghĩ đến cô gái, không để hết lòng thành vào việc dâng cúng. Đức Phật nhận thấy ý tưởng xấu ấy nên dạy rằng "Không lửa nào bằng lửa tham dục, không ác nào bằng lòng sân hận, không khổ nào bằng khổ ngu uẩn, không vui nào bằng vui an tịnh Niết Bàn":

(Pháp Cú 202)

*Lửa nào lại sánh được ngang
Lửa tham lửa dục cháy tan dữ dần,
Ác nào lại sánh cho bằng
Ác sân ác hận hung hăng oán hờn,
Khổ nào lại vượt được hơn
Khổ thân ngũ uẩn hợp tan sớm chiều,
Vui kia so sánh đủ điều
Sao bằng vui chốn cao siêu Niết Bàn.*

Một cô gái làm công, phải làm việc vất vả suốt ngày đến lúc đêm khuya, bước ra ngoài cửa, để ý thấy nhiều vị tăng sĩ thấp thoáng qua lại trên một ngọn đồi gần đó. Cô tự nghĩ: "Ta không ngủ được vì công chuyện bề bộn mệt nhọc, còn các vị Sư kia, tại sao cũng không ngủ được". Về sau cô có dịp cúng dường bánh cho Đức Phật và được nghe Ngài giải thích là các vị Tỷ

kheo vẫn thức đêm, không ngủ vì phải luôn luôn tỉnh giác và chuyên cần tu tập, tâm trọn vẹn hướng về Niết Bàn để mọi phiền não đều dứt sạch:

(Pháp Cú 226)

*Những người giác tỉnh thường xuyên
Đốc lòng tu tập ngày đêm chuyên cần
Quyết tâm hướng đến Niết Bàn
Thì bao phiền não tiêu tan chẳng còn.*

Một anh nông dân nghèo đến nghe Đức Phật thuyết Pháp trong lúc bụng đói. Trước khi bắt đầu thời Pháp Ngài gọi người dọn cơm cho anh ăn. Nhân cơ hội, Ngài giảng rằng "Thông thường, mỗi khi đau ốm người ta dùng một vị thuốc thích hợp làm cho bệnh thuyên giảm và chấm dứt. Nhưng cái đói thì không bao giờ dứt, suốt đời, hễ no rồi lại đói. Thân con người là nguồn gốc của lo âu và sầu khổ. Nếu biết rõ hai điều ấy ta sẽ thấy Niết Bàn là nơi an lạc cao nhất":

(Pháp Cú 203)

*Đói là chứng bệnh lớn lao,
Vô thường ngũ uẩn khổ đau nhất đời,
Nếu ai hiểu đúng vậy rồi
Coi như đạt đến cực vui Niết Bàn.*

Chúng ta thường quan niệm Niết Bàn như một cảnh giới, một cõi nào đó cao cấp hơn cõi người, như là cõi thiên đường của các tôn giáo khác, đó là một sai lầm lớn. Niết Bàn vượt thoát mọi khái niệm đối đãi về thời gian, không gian, có, không, lớn, nhỏ... Dù vậy, Niết Bàn không phải là hư vô, mà là một thực tại thanh tịnh, siêu việt, không nằm trong phạm vi phân biệt của ý thức, hay nói cách khác, không thể nhận thức được Niết Bàn khi đang còn tham, sân, si. Một vị Thiên sư nói: "Hãy nhìn những rặng núi, những con suối chảy, những rừng cây xanh ngắt đẹp tuyệt vời kia. Khi biết nhìn mọi vật với một nhãn quan mới, một nhãn quan không bị chi phối bởi tham sân si, thì cảnh đẹp kia chính là Niết Bàn đó ! Niết Bàn không phải là một nơi chốn nào khác biệt với thế gian, một cảnh giới nào mà người ta có thể tìm đến. Niết Bàn chính là ở đây". Đức Phật và các vị Bồ Tát, A La Hán đã đạt Niết Bàn ngay trong đời sống này. Điều đó nghĩa là Niết Bàn nằm ngay trong tầm tay của mỗi người. Biểu hiện của Niết Bàn là không còn tạo nghiệp và không còn tái sinh.

"Niết Bàn tức sinh tử, sinh tử tức Niết Bàn". Câu kinh thâm thúy mới đọc tưởng như mâu thuẫn. Thật ra lúc mê thì sinh tử, khi ngộ là Niết Bàn, hai cảnh sinh tử và Niết Bàn không phải là hai nơi xa cách mà chỉ là một. Pháp nhiệm mầu của Đạo Phật là dạy cho con người biết cách chuyển mê thành ngộ, biến cái cảnh sinh tử đau khổ của thế gian thành cảnh an lạc, Niết Bàn của chư Phật.

-ooOoo-

NGHỆ THUẬT THUYẾT PHÁP

Trong gần nửa thế kỷ thuyết pháp độ sinh, Đức Phật đã giảng dạy và hóa độ cho rất nhiều người thuộc nhiều thành phần, căn cơ và nguồn gốc khác nhau. Tùy cơ duyên mà Ngài sử dụng những phương cách giảng khác nhau để khai mở trí tuệ cho hàng đệ tử. Có khi Ngài dùng lời dịu dàng để khuyên răn. Có khi Ngài dùng các lý luận sắc bén để thuyết phục. Có khi ngài dùng những ví dụ, những ngụ ngôn. Có khi ngài dùng những định nghĩa. Cũng có khi Ngài dùng các ẩn dụ mạnh mẽ.

Đức Phật dùng một phương pháp rất biệt tài trong tập Kinh Pháp Cú là sử dụng các ví dụ rất linh động và chính xác để gợi cảm cho người nghe mà xác chứng và nhiều khi lại giải thích

thêm cho căn kẽ hơn những điều Ngài nói. Các ví dụ ngài dùng thật vô cùng phong phú và khác biệt, lại giản dị, trong sáng, hướng thượng, hiền thiện và giải thoát.

Truyện tích kể rằng vua Lư Ly chỉ vì nghe thuật lại một lời nói có tính cách khinh khi đến nguồn gốc, dòng dõi mẹ và bà ngoại của mình nên xúc động và sinh lòng thù oán sâu đậm dòng dõi Thích Ca của Đức Phật. Vua mang quân sang tiêu diệt toàn thể những người cùng họ này. Trên đường trở về, quân đội của vua đóng dinh trại bên một bờ sông để nghỉ. Giữa đêm khuya, một trận lụt to lôi cuốn tất cả vua và binh lính theo dòng nước. Mọi người đều bị chết hết. Nghe câu chuyện thương tâm ấy Đức Phật dùng hình ảnh nước lũ cuốn trôi xóm làng để ghi nhận rằng nhiều người đi đến sự sụp đổ của chính mình trong khi thực hành mưu đồ để thành đạt mục tiêu, miệt mài trong dục vọng, tâm phóng túng, không biết rằng "Diêm vương đang cắt ngắn mạng sống của họ":

(Pháp Cú 47)

*Tựa như nước lũ cuốn đi
Xóm làng say ngủ li bì nửa khuya
Tử thần cũng sẽ rước về
Những người phóng túng, đam mê tới ngày
Chỉ chuyên thu nhặt luôn tay
Cánh hoa dục lạc chất đầy trong tâm.*

Cũng nhân truyện tích trên chúng ta nhận thấy vua Lư Ly vì tàn sát quá nhiều người trong dòng họ Thích Ca mà phải chịu quả báo "hiện tiền" là bị nước lụt cuốn trôi ngay. Còn khi thấy quá nhiều người trong dòng họ Thích Ca bị giết chết, Thầy A Nan khóc lóc xin nhờ Đức Phật cứu cho, nhưng Đức Phật báo đó là quả báo của dòng họ Thích Ca phải gánh chịu, vì trong một tiền kiếp, họ đã bỏ thuốc độc vào một hồ nước, giết hết loài cá trong hồ, nay cá ấy tái sinh ở nước của vua Lư Ly và đến báo oán.

Đức Phật dạy nên chấm dứt tham luyến. Người còn đang say đắm, mê luyến về tài sản, về đàn gia súc, về con cháu, sẽ bị thân chết đến dẫn đi một cách bất ngờ, cũng như dân chúng trong làng đang say ngủ bị cơn lụt to nửa đêm thỉnh linh lôi cuốn trôi ra biển:

(Pháp Cú 287)

*Người mà tâm mãi hằng ngày
Cháu con, gia sản đắm say chẳng ngừng
Khó mà thoát khỏi tử thần
Giống như thảm họa xóm làng ngủ say
Bị cơn nước lũ cuốn ngay.*

Từ hình ảnh lũ lụt Đức Phật đưa ra hình ảnh ao hồ. Ngài dạy sau khi nghe Pháp thời tâm của người hiền trí an tịnh như nước trong hồ sâu yên lặng. Lần khác Ngài dạy rằng tâm của bậc thánh nhân không dao động thời an tịnh như cõi đất bằng, kiên cố như trụ đồng và cũng phẳng lặng và trong suốt như ao sâu không bị bùn đất làm nhơ bẩn.

Hình ảnh từng giọt nước nhỏ rơi xuống lâu ngày cũng làm đầy được một cái bình, từ đó Đức Phật dạy là đừng nên xem thường điều ác dù nhỏ hay điều thiện dù nhỏ. Hình ảnh gần gũi khác là mưa trên mái nhà. Ngài dạy tâm không tu sẽ bị tham dục xâm nhập như mái nhà mà lợp không kín sẽ bị mưa dột vào. Trái lại nhà lợp kín sẽ không bị mưa dột như kẻ khéo tu.

Kể đến là hình ảnh cát bụi và cây cối. Ngài dạy là kẻ ác hại người thời ác kia trở lại gây khổ cho mình như tung cát bụi ngược chiều gió, cát bụi sẽ bay ngược trở lại vào mắt người tung. Lần khác Ngài dạy là kẻ xuất gia mà chẳng giữ mình, hành vi phóng đàng, tu hành buông lơi thời chỉ gieo cát bụi cho đời. Ngài cũng dạy rằng người không tự kiểm chế để bị dục vọng lôi cuốn như cây yếu trước cơn gió lốc. Lòng ái dục tiềm ẩn chưa bị tận diệt thời khổ não vẫn

phát sinh trở lại như đốn cây mà không đào hết rễ thì nó vẫn đâm chồi sống lại mãi. Đức Phật diễn tả người phá giới tự hại mình như cây leo chùm gửi leo quanh rồi siết chết cây vườn:

(Pháp Cú 162)

*Người phá giới tự hại mình,
Như dây chùm gửi leo quanh cây vườn
Dần dần siết chết cây luôn,
Người này gieo hại bản thân vô bờ,
Gieo điều xấu, ác mong chờ
Mà quân thù địch ước mơ hại mình.*

Hình ảnh cỏ lau mọc dại cũng được nhắc tới. Đức Phật dạy "Người nào nuôi dưỡng ái dục thời sâu muộn sẽ gia tăng như cỏ dại mọc lên nhanh sau những cơn mưa". Lần khác Ngài khuyên "Đừng để cho lũ Ma quân dục tình phá hoại cái Tâm của mình như con lũ lụt làm hại đám cỏ lau". Có khi Ngài nhân mạnh "Tham, sân, si, ái là bốn khuyết điểm của loài người như cỏ hoang làm hại ruộng vườn".

Đức Phật cũng dùng hình ảnh những súc vật mà chúng ta thường trông thấy trong cuộc sống hàng ngày để làm ví dụ khi thuyết pháp cho mọi người dễ hiểu. Ngài dạy "Ai học mà không hành thời vô ích, như kẻ chăn bò chỉ đếm bò cho chủ". Hoặc "Già nua, chết chóc lừa con người đến với từ thần như người chăn bò lừa bò ra cánh đồng". Hoặc "Bà La Môn là người đã giác ngộ như trâu dùng mảnh đầu đàn".

Đối với chuyện ái dục thời Đức Phật đưa ra hình ảnh "Ngày nào còn một bụi cây nhỏ dục vọng giữa nam và nữ mà chưa bị chặt ngã, thời ngày ấy tâm hãy còn bị trôi buộc, giống như con bê đeo dính bò mẹ":

(Pháp Cú 284)

*Dây tình nam nữ, gái trai
Nếu mà chưa đứt, còn hoài vương mang
Thì tâm, ý vẫn buộc ràng
Như bê bú mẹ luôn ham, chẳng rời.*

Để thuyết pháp Đức Phật đưa ra nhiều hình ảnh của các sinh vật để người nghe dễ cảm nhận. "Ái dục của người sống dễ duôi tăng trưởng như dây leo. Nó nhảy từ kiếp sống này chuyển sang kiếp khác như loài khỉ, vượn thích trái cây trong rừng". Hoặc "Kẻ bị bao trùm trong ái dục kinh hoàng như thỏ nằm trong bẫy". Hoặc "Những ai đắm say trong tham ái sẽ rơi trở vào dòng, như nhện sa vào lưới của chính nó".

Đức Phật cũng dạy "Những người trí tuệ thô thiển, khi hôn mê, tham ăn, thích ngủ, ngã lãn, nằm dài như con heo to mà người ta nuôi bằng thức ăn thừa." Trong một dịp khác, vì ăn uống quá độ mà vua Ba Tư Nặc thường thấy mệt mỏi và khó chịu, nhờ Đức Phật khuyên dạy, vua ăn uống có độ lượng và do đó cải tiến tình trạng sức khỏe. Nhân dịp này để diễn tả kẻ ưa ngủ, ăn uống không chừng mực, nằm lãn lóc qua lại, Ngài dùng hình ảnh con heo ham ăn cho nó bưng:

(Pháp Cú 325)

*Người phàm, ngu muội, tham ăn
Lại thêm ưa ngủ, nằm lãn lóc hoài
Như heo ăn bụng no rồi
Tái sinh chịu mãi, luân hồi tránh đâu.*

Có một Tỳ kheo ít thông minh lại hay lơ đãng, vụng về. Ít khi biết nói những lời cho hợp thời, hợp cảnh. Trí tuệ không được mở mang. Ngài đưa ra hình ảnh bò với trâu để so sánh:

(Pháp Cú 152)

*Người không chịu học, chịu nghe
Giống như bò với trâu kia vô ngần,
Trâu bò lớn mạnh thịt gân
Nhưng mà trí tuệ trăm phần y nguyên
Nào đâu phát triển được thêm.*

Kể đến Đức Phật đưa ra hàng loạt hình ảnh súc vật khác. Ngài dạy: Người trí như tuần mã chạy nhanh bỏ lại phía sau những con ngựa gầy, lười biếng và hèn kém; Hãy nhiệt tâm chuyên cần như ngựa giỏi chạy hăng lại thêm roi thúc giục; Luyện được lòng ần nhẫn mới là khó, khó hơn luyện được voi; Kẻ có tài tự chế ngự được mình là điều rất quý, quý hơn cả tài huấn luyện la, lừa, ngựa và voi; Người phóng túng, không biết tự kiềm chế giống như con voi hung hăng khó trị.

Nhân có một thầy Sa di trẻ tuổi có giới hạnh rất trang nghiêm nhưng về sau muốn hoàn tục. Bà mẹ thầy thuyết phục thầy không nên làm vậy. Cuối cùng thầy nhận định được sự ích lợi dồi dào phong phú của đời sống thiêng liêng đạo hạnh. Đức Phật khuyên thầy "Hãy khéo điều khiển tâm mình như tay quán tượng giỏi điều phục voi":

(Pháp Cú 326)

*Như Lai thưở trước buông lung
Bao nhiêu tham dục cứ thường chạy theo,
Tâm ta nay đã xoay chiều
Nhờ vào chánh niệm ta điều phục tâm
Như voi hung dữ vô ngần
Nhờ tay quán tượng sẽ thuần tính ngay*

Đức Phật dạy "Người không tiến bộ về vật chất và tinh thần sẽ ăn năn hối hận như con cò già bên cái ao không cá". Trong một dịp khác tâm của một Tỷ kheo bị những tư tưởng xấu chế ngự, Ngài khuyên thầy nên giữ vững tâm, khắc phục tư tưởng xấu vì "Cá mắc câu và bị kéo lên khỏi nước, vớt trên đất khô, vùng vẫy như thế nào thì tâm của người trí cũng vùng vẫy và phấn đấu để tránh xa dục vọng như thế ấy":

(Pháp Cú 34)

*Tựa như cá ở hồ ao
Bị đưa khỏi nước quăng vào bờ kia
Vẫy vùng, sợ sệt kể chi,
Tâm người nên vậy khác gì cá đâu
Phải vùng vẫy, phải lo âu
Cố mà phấn đấu thoát mau tâm mình
Khỏi tay Ma giới dục tình.*

Hình ảnh loài quạ, điều hâu cũng được nhắc tới "Sống không hổ thẹn, lại lỗ mãng tro trên như loài này thời dễ":

(Pháp Cú 244)

*Sống không xấu hổ bao giờ
Lại thêm lỗ mãng giống như quạ điều
Chê bai, khoác lác đủ điều
Khoa trương, ngạo mạn, tự kiêu tháng ngày
Sống như vậy thật dễ thay!*

Hình ảnh những cánh thiên nga, những cánh chim tung bay tự do trên bầu trời cũng được mang ra để làm ví dụ thuyết pháp. Đức Phật dạy "Chư vị A La Hán không còn luyện ái tựa như những con thiên nga rời bỏ ao hồ". Và "Không nên luyện ái vật thực, không màng đến vật

chất thời sẽ thành thời trong cảnh Niết Bàn giống như chim bay giữa chốn không trung. Tìm chim dấu vết vô vàn khó thay." Rồi hình ảnh ong trong vườn "Đi trì bình khát thực mà không gây phiền phức cho ai như loài ong chỉ hút mật của hoa rồi bay đi mà không gây tổn hại đến hương hay sắc của hoa".

Đức Phật dạy "Thấy lỗi người thì dễ, nhưng lỗi mình thì quá là khó thấy". Một ông trưởng giả nọ muốn đến yết kiến Đức Phật nhưng có mấy vị đạo sĩ nói xấu Ngài để thuyết phục ông ấy đừng đi. Nghe câu chuyện, Đức Phật lưu ý các đệ tử rằng có người chỉ thấy lỗi kẻ khác, lắm khi là những lỗi không bao giờ có, nhưng lại không thấy lỗi của chính mình:

(Pháp Cú 252)

*Lỗi người dễ thấy biết bao
Lỗi ta khó thấy ai nào muốn khui,
Lỗi người cứ cố phan phui
Như tìm trấu lẫn trong nổi gạo kia
Lỗi ta lại giấu giếm đi
Tựa người sẵn bán muốn che dấu mình
Hay như con bạc cố tình
Cờ gian bạc lận lưu manh dấu bài.*

Hình ảnh thợ săn ẩn núp giấu mình và kẻ cờ gian bạc lận trong đời sống hàng ngày được đưa ra thật sinh động.

Hình ảnh hoa sen cũng được nhắc tới nhiều lần. Một Tỳ kheo đang hành thiền về tính cách ô trược của thế xác nhưng không hiệu quả. Đức Phật thấy vậy trao cho thầy một cành sen và dạy thầy an trụ tâm vào đây. Vị Tỳ kheo thành công, đắc những tầng Thiên và phát triển tâm lực. Theo lời khuyên của Đức Phật về sau thầy đắc quả A La Hán. Đức Phật dạy "Hãy cắt đứt dây tình cảm như ngắt cành sen mùa thu":

(Pháp Cú 285)

*Dây tình ái hãy dứt liền
Như tay ngắt bỏ cành sen thu tàn
Siêng tu an tịnh đạo vàng
Là đường Phật dạy tìm sang Niết Bàn.*

Trong đám người mê muội vẫn có những người giữ mình cao thượng như "hoa sen thanh khiết mọc lên giữa đám bùn nhơ, rác rưởi". Người đã đập tắt ái dục không còn sầu muộn như "giọt nước rời lá sen", như "mưa tron tuột khỏi hàng lá sen". Bà La Môn không luyến ái dục lạc như "giọt nước trôi mau trên lá sen", như "hột cải trên đầu mũi kim" không thể dính lại được.

Kể đến là mặt trăng với mặt trời. Người trong sạch, không buồn nhơ như "mặt trăng sáng ngời giữa bầu trời không mây":

(Pháp Cú 413)

*Người nhơ bản phủi sạch rồi
Như trăng vàng vạc sáng ngời trong đêm
Rất thanh tịnh, rất lặng yên
Diệt trừ ái dục quân bên hại mình
Bà La Môn thật xứng danh.*

Dầu trẻ tuổi nếu nhiệt thành với giáo pháp, thầy Tỳ kheo có thể rạng sáng toàn thể thế gian này như "mặt trăng ra khỏi vùng mây". Hào quang Đức Phật rạng tỏ ngày như đêm;

(Pháp Cú 387)

Mặt trời chiếu sáng ban ngày

*Mặt trăng đêm xuống tỏa đầy ánh quang
Gươm đao, nhưng giáp huy hoàng
Trận tiền chiếu sáng rõ ràng cho Vua
Bà La Môn vốn từ xưa
Hào quang chiếu sáng khi tu hành thiền,
Nhưng hào quang Phật vô biên
Ngày đêm chiếu sáng khắp miền nhân gian.*

Trong Kinh Pháp Cú có nhiều ví dụ cho thấy rằng không phải Đức Phật chỉ thuyết pháp cho hàng trí thức mà Ngài cũng giảng dạy giáo lý cho cả các trẻ em nữa. Ngài dùng những chuyện ngụ ngôn rất giản dị để cho mọi người đều hiểu được lời Ngài muốn giảng dạy. Như thí dụ cái bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe, bóng theo người, mái nhà khéo lợp, một làng đang say ngủ, ao hồ sâu thẳm và trong veo, hoa có hương thơm, ong hút mật v.v... Trí tuệ của Đức Phật đã tỏ rạng trong cách trình bày chân lý cao thâm với những danh từ thông thường, dễ hiểu, không rườm rà phiền phức.

Trong nhiều ví dụ, chúng ta nhận thấy Đức Phật cũng có cái nhìn của một nhà nghệ sĩ tài ba. Hình ảnh vị Tỷ kheo chèo thuyền lướt tới, thuyền được tát cho nhẹ nước, và nhờ vậy thuyền lướt tới mau chóng và nhẹ nhàng. Hình ảnh này nói lên đặc tính vừa hướng thượng vừa siêu thoát, diễn tả vị Tỷ kheo đoạn trừ được lòng tham và sân hận và đang mau chóng tiến dần đến mục đích Niết Bàn an lạc. Chiếc thuyền trống rỗng. Chiếc thuyền ví như thể xác này và nước trong thuyền là những tư tưởng xấu.

Truyện tích kể rằng vài vị tu sĩ hiểu lầm phẩm hạnh của Đại đức Ca Diếp và bàn tán với nhau rằng ngài còn luyện ái những thí chủ và họ hàng thân thuộc. Nghe vậy, Đức Phật giải thích rằng Đại đức Ca Diếp đã cắt đứt mọi luyện ái. Ngài đưa ra hình ảnh một vị tu sĩ không có nhà cửa chùa chiền, cư xá riêng tư, như con ngỗng trời, rời bỏ hồ ao, bay liệng giữa hư không. Thầy tu đi lang thang rày đây mai đó không luyện ái một nơi ở nhất định nào, bởi vì thầy đã hoàn toàn tự do, đã thoát ra khỏi mọi quan niệm về "ta" và "của ta":

(Pháp Cú 91)
*Những người cố gắng tu thân
Luôn luôn hăng hái, tinh thần thật cao
Đâu còn lưu luyện là bao
Nơi ăn chốn ở thườ nào tại gia
Ví như những cánh thiên nga
Rời ao hồ cũ bay xa tít mù
Đâu còn nhớ tiếc nơi xưa.*

Khi Đạo Phật ra đời và khi đức Phật bắt đầu thuyết pháp hành đạo, Ngài đã gặp phải một số rất đông các bậc Đạo sư của nhiều giáo phái khác. Họ có giáo lý và phương pháp tu hành riêng biệt, nên một mặt Đức Phật dùng những định nghĩa thật chính xác và rõ rệt để nói lên phần giáo lý pháp môn của mình, sai khác với họ như thế nào; mặt khác Ngài phải tìm hiểu thật chính xác giáo lý và phương pháp tu hành của các giáo phái đó. Với những danh từ họ thường dùng, Ngài đưa ra những định nghĩa thật mới mẻ, thật chính xác, phù hợp với lập trường giáo lý và pháp môn của Ngài. Thí dụ như đối với danh từ "Muni", ân sĩ, mà chúng ta thường dùng để gọi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài định nghĩa rằng "Muni" hay Mâu Ni có nghĩa là im lặng, nhưng im lặng như ngu si đâu được gọi là ân sĩ. Mâu Ni phải là người có trí, biết đo lường cân nhắc phải trái:

(Pháp Cú 268)
*Kẻ ngu dân dừ lặng yên
Đâu thành một vị thánh hiền ẩn danh,
Nhưng người trí tuệ tinh anh*

*Cầm cân này mực phân ranh tỏ tường
Chọn lành, bỏ dữ chẳng màng
Mới là ẩn sĩ thuộc hàng xưng danh.*

Có một vị Bà La Môn sống cuộc đời ẩn dật, tu theo lối khổ hạnh. Một hôm ông ta nghĩ Đức Phật gọi các đệ tử của Ngài là bậc xuất gia, ông sống ẩn cư, tu khổ hạnh thời cũng đáng được gọi là người xuất gia. Ông ta đến gặp Đức Phật và nói lên ý nghĩ ấy. Đức Phật đọc lên bài kệ sau đây để cùng một lúc định nghĩa Bà La Môn, Sa Môn và người xuất gia:

(Pháp Cú 388)

*Người mà nghiệp ác dứt xa
Xưng danh tên gọi là Bà La Môn
Người mà an tịnh luôn luôn
Xưng danh tên gọi Sa Môn tu hành,
Người mà ó nhiễm diệt nhanh
Mới là một bậc thuần thành xuất gia.*

Một nhóm sáu vị Tỳ kheo đi đó đi đây rêu rao rằng mình là người học rộng. Đức Phật dạy "Không phải vì nói nhiều mà người ta cho rằng là bậc học rộng. Bậc có trí tuệ phải là người an tịnh, không sân hận oán thù và không sợ sệt":

(Pháp Cú 258)

*Nào đâu cứ phải nhiều lời
Mới là kẻ trí, chuyện đời tình thông
Ai mà an tịnh thân tâm
Oán thù, hãi sợ trăm phần dẹp nhanh
Mới là người trí xưng danh.*

Trong một số trường hợp, Đức Phật cũng dùng những "ẩn dụ" để thuyết pháp. Một ngày nọ có một nhóm các thầy Tỳ kheo từ phương xa đến đánh lễ Phật. Lúc bấy giờ có một trưởng lão đáng người thấp lùn đang đứng ở cuối phòng. Đức Phật hướng về phía trưởng lão và nói với các vị Tỳ kheo rằng: "Này chư Tỳ kheo, các ông có trông thấy vị Tăng đứng ở phía kia không?".

Đức Phật nói: "*Đó là người đã giết mẹ, cha và hai nhà vua hiếu chiến, và đã tiêu diệt một quốc gia cùng với vị đại thần phụ trách quốc khố, vị A La Hán ra đi, không sáu muện*" (câu 294).

Rồi Ngài nói tiếp: "*Đó là người đã giết mẹ, cha và hai ông vua của giai cấp Bà la môn và tiêu diệt con đường nguy hiểm, vị A La Hán ra đi, không sáu muện*" (câu 295).

Các vị Tỳ kheo nghe xong đều rất ngạc nhiên, chẳng hiểu được thâm ý của Đức Phật, mới xin Đức Phật giải thích thêm. Sau khi lãnh hội và quán triệt được ý nghĩa thâm sâu của hai câu kệ trên, các vị Tỳ kheo đó đắc quả A La Hán.

Hai câu Pháp Cú 294 và 295 này thật khó mà hiểu rõ được ý nghĩa nếu ta không xem các bản "chú giải" ghi chép lại trong kinh tạng. Các câu kệ đó mang ý nghĩa của lời ẩn dụ như sau: "Giết mẹ, giết cha, không phải là trừ diệt Cha Mẹ thật của mình. Ý nói đã diệt trừ xong các nguyên nhân khiến con người phải tái sinh trong cõi đời này. Diệt trừ xong ái dục và ngã mạn để thoát khỏi vòng luân hồi. Mẹ là ẩn dụ cho lòng tham ái, và cha là ẩn dụ của ngã mạn. Chính vì tham ái và ngã mạn mà ta phải tái sinh nhiều đời, nhiều kiếp trong cõi ta bà luân hồi này. Hai vị vua chính là hai biên kiến của vô minh: thường kiến và đoạn kiến, thường tạo ra nhiều tranh cãi vô ích, cần phải được phá bỏ. Vương quốc lãnh thổ kia chính là 6 căn và 6 trần: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, và sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vị Quốc khố đại thần là để chỉ lòng tham đắm dục lạc phát sinh và chất chứa từ 6 căn đó. Sau cùng, hồ tướng thứ năm

chính là con quỷ thứ năm làm cản trở sự định tâm, phát tuệ. Đó là ‘ngi’ của 5 triền cái: tham dục, sân hận, hôn trầm, trạo cử, và hoài nghi. Sau khi đã đoạn diệt tất cả các chướng ngại này thì hành giả mới thông dong, tự tại, đi đến giải thoát ...”. Hai câu Pháp Cú trên có thể được kèm luôn với lời chú thích và diễn tả lại như sau để cho dễ hiểu hơn:

(Pháp Cú 294)

*Trừ mẹ ái dục cho mau,
Trừ cha kiêu ngạo, tự hào, khoe khoang,
Trừ hai Vua nợ kiêu căng
Tham vọng, hiểu chiến, ý càng lầm sai
Chẳng tin nhân quả, luân hồi
Khó mà giải thoát, muốn đời hại dân,
Trừ thêm vương quốc kia luôn
Hạ mười hai xứ: sáu trần, sáu căn
Tự mình làm chủ giác quan
Tạo ra an lạc thân tâm bội phần,
Trừ luôn cả vị đại thần
Bo bo gìn giữ kho tàng quốc vương
Khác gì một kẻ làm đường
Ham mùi luyến ái, vẫn vương cuộc đời
Trừ xong mọi việc trên rồi
Vị A La Hán thành thời cõi lòng
Ra đi, sáu muện chẳng còn.*

(Pháp Cú 295)

*Trừ mẹ ái dục cho mau,
Trừ cha kiêu ngạo, tự hào luôn luôn,
Trừ hai Vua Bà La Môn
Luôn mang tư tưởng sai lầm mãi thôi
Chẳng tin nhân quả luân hồi
Khó mà giải thoát, muốn đời ngu si
Trừ con đường nợ hiểm nguy
Giăng năm chướng ngại ngăn che mắt trần
Giống năm vị tướng dữ dằn
Hoài nghi là tướng đứng hàng thứ năm,
Trừ xong mọi việc khó khăn
Vị A La Hán thành thang cõi lòng
Ra đi, sáu muện chẳng còn.*

-ooOoo-

ĐẠO PHẬT LÀ ĐẠO YÊU ĐỜI

Khi nghe Đạo Phật nói “*đời là bể khổ*”, nhiều người đã hiểu lầm rằng Đức Phật có quan niệm bi quan. Sự thật không phải như vậy. Từ điển đã định nghĩa bi quan là “có thói quen nghĩ rằng cái gì sắp xảy đến đều là xấu cả, đều đáng chán và không tin tưởng ở tương lai” hoặc bi quan là “chán nản, không tin tưởng, hoặc mất niềm tin vào hiện tại, tương lai”.

Đức Phật không bao giờ chủ trương bi quan như vậy và Phật cũng không hề nói trên đời này không thể có hạnh phúc. Đức Phật chỉ nói rằng sống thì phải chịu khổ về thể xác cũng như về tinh thần. Nhận định của Đức Phật rất khách quan, rất đúng và không ai có thể phủ nhận những sự thật ấy được. Giáo lý của Đạo Phật được phát xuất từ kinh nghiệm sống dựa trên sự thật, trên một thực tế mà mọi người đều biết, đều có trải qua và đều cố gắng phấn đấu để khắc

phục. Đạo Phật đi thẳng vào điều lo âu chính yếu của mọi người trên thế gian là sự "khổ đau" và "làm thế nào để tránh cho khỏi khổ".

Những điều nhận xét của Đức Phật về con người, về cuộc đời chính là những mối suy tư giúp nhân sinh có một quan niệm đúng đắn về cuộc đời để sử dụng đời mình làm sao cho có lợi ích. Lợi ích cho chính bản thân mình và lợi ích cho cả các chúng sinh khác. Chính đây là những lời khuyên khích con người tìm cách thực hiện mau những điều đáng làm và cần thiết phải làm để khỏi chết đi trong niềm tiếc nuối và ân hận là mình đã sống một cuộc sống vô nghĩa đầy uổng phí.

Những người chưa vào Đạo Phật, hoặc chưa hiểu Đạo Phật, thường nghĩ rất sai lầm, tưởng rằng Đạo Phật là một đạo chán đời, bi quan, yếm thế, thối chí, làm cho con người trốn tránh trách nhiệm với xã hội và hèn yếu đối với thân tâm mình. Vì Đạo Phật nói "vô thường", mà một khi sự vật đã vô thường thì không nên làm gì cả, có siêng năng hoạt động kinh doanh sự nghiệp rồi cũng không đi đến đâu. Nghĩ như thế thật là trái ngược với giáo lý nhà Phật.

Thật ra không phải vậy. Vô thường của đạo Phật là một phương pháp chỉ rõ mặt trái của đời, đề bài trừ những sự mê lầm, ngăn chặn người chạy theo vật dục, nó chưa phải là thuyết tuyệt đối. Đức Phật cũng như vị lương y tùy theo chứng bệnh mà cho thuốc. Với bệnh "chấp thường còn không mất", thì dùng phương thuốc "vô thường" để đối trị, khi lành bệnh thì Phật lại cho thứ thuốc bổ khác quý báu hơn, là thuyết "*chân thường bất biến*".

Biết được vô thường, con người giữ được bình tĩnh thân nhiên trước cảnh đổi thay bất ngờ và có thể lạnh lùng trước cảnh ân ái chia ly. Biết vô thường, con người dám hy sinh tài sản, sinh mạng để làm việc nghĩa. Biết vô thường con người mới chán ngán với những thú vui tạm bợ, giả trá, và sáng suốt đi tìm những cái vui chân thật thường còn. Vì thật ra, cái vui chân thật thường còn, cái tánh chân thường vẫn có, nhưng nó nằm bên trong cái lớp giả dối tạm bợ vô thường của cõi đời này, nên chúng ta không thể thấy được. Khi chúng ta đã cương quyết gạt bỏ cái vô giá dối ấy, thì tất nhiên cái giá trị chân thật, cái hạnh phúc chân chính, cái Phật tánh sáng suốt, chắc thật muôn đời sẽ hiện ra.

"*Đạo Phật là một đạo rất yêu đời*", nhưng yêu cái đời sống thật, yêu cái bộ mặt thật, (bản lai diện mục) đẹp đẽ, trong sạch, yên vui của đời. Vì yêu bộ mặt thật của đời nên mới sinh ra lòng yêu người, yêu tất cả mọi người, mọi loài không phân biệt. Lòng yêu bao la rộng khắp, trùm bọc hết thấy chúng sinh, vì chúng sinh dưới những hình tướng sai biệt, đều cùng có một bộ mặt thật, đẹp đẽ, sáng sủa như nhau, tuy rằng bộ mặt ấy hiện nay còn bị như bụi phủ đầy.

Chúng ta nhớ lại Đức Phật thoát tiên là một thái tử, sống trong cung vàng điện ngọc, đầy sung sướng, đầy quyền uy. Sở thái tử sẽ xuất gia tu hành theo đức ông như lời của người tiên tri nên vua cha muốn giữ chân thái tử trong cảnh vương giả này. Vua cưới vợ cho thái tử và tạo ra biết bao cảnh vật quyền rũ để giữ chân con mình bên cạnh vợ đẹp, bên cạnh con khôn. Chúng ta hãy nghe tả cuộc sống này:

"Thời gian sau ở hoàng cung
Vua quan tở chức tung bửu vui tươi
Lễ thành hôn giữa hai người
Trai tài gái sắc xứng đôi vợ chồng
Tuổi mười sáu, đẹp tở hồng
Sợ dây luyến ái đôi lòng quyến chung,
Vua luôn suy nghĩ mung lung
Giữ chân thái tử mãi trong lồng vàng
Vua bèn ra lệnh các quan
Xây ba cung điện huy hoàng một nơi
Hoa viên cây cỏ tốt tươi
Sen phô sắc dưới nắng trời nhệ lay

Hồ xanh in bóng mây bay
Vợ chồng quán quýt, tháng ngày say mê,
Một cung điện cho mùa hè
Hãy hãy gió mát bốn bề thổi trong,
Một cung điện cho mùa đông
Bập bùng lửa ấm tình nồng hương đưa,
Một cung điện cho mùa mưa
Nhạc mưa thánh thót sớm trưa gọi tình,
Néo hoa viên, lối cung đình
Tường cao vây phủ bao quanh phía ngoài
Ngăn che phiền não trần ai
Khỏi vương hạnh phúc của hai tâm hồn.
Trong cung tuyền các nhạc công
Đàn ca réo rắt, tơ đồng lá lơi
Thêm đoàn ca múa xinh tươi
Thân vờn dáng liễu, giọng khơi mạch tình
Cao lương, mỹ vị linh đình
Khiến cho thái tử đắm mình mê say
Trải qua bao tháng cùng ngày
Sống trong cảnh giới hưởng đầy thú vui
Không hề hay biết trên đời
Nhiều nơi bất hạnh, lắm người lắm than."

Sống sung sướng trong cảnh vương giả như vậy mà thái tử vẫn quyết chí buông xả tất cả để xuất gia. Đi tu không phải vì những lý do tầm thường như người không hiểu đạo thường nói tới như là: thất tình, nghèo khổ, chán đời, thối chí, thiếu hạnh phúc v.v... Ngài ra đi là muốn giải thoát muôn loài, muốn tìm cho chúng sinh một hạnh phúc thật sự. Đây là tâm trạng của thái tử lúc rời hoàng cung:

"Dù thương cha mẹ vô vàn
Dù yêu vợ đẹp, con ngoan vô cùng
Nhưng ta quyết bỏ hoàng cung
Xuất gia tìm hạnh phúc chung cho người
Tìm phương giải thoát muôn loài
Cuộc đời vương giả đóai hoài làm chi!"

Ngài đi là mong tìm phương cách diệt khổ đau cho chúng sinh. *Đạo Phật là đạo diệt khổ, là đạo giải thoát*. Giải là cởi mở. Ở đây là "cởi mở" những trói buộc để "thoát" ra khỏi mọi hình thức đau khổ của đời sống:

"Phóng hời lâu dưới trăng thanh
Người đi nhìn lại kinh thành xa xa
Nguyện thâm: Đến lúc tìm ra
Con đường diệt khổ thì ta mới về!"

"*Đời sống của Đức Phật Thích Ca là hiện thân hoàn toàn của lòng yêu đời*". Vì yêu đời và yêu chúng sinh đau khổ nên Đức Phật mới bỏ gia đình, bỏ cha mẹ, vợ con, bỏ ngôi báu, lia xa cung vàng điện ngọc... để tu tập, tìm phương thuốc chữa khổ cho đời. Vì yêu đời và yêu chúng sinh nên trong gần nửa thế kỷ, Đức Phật đã xông pha khắp đó đây, trong mọi tầng lớp xã hội, để giảng dạy cho mọi người tìm ra và nhận thấy bộ mặt thật của đời mà sống. Bộ mặt ấy là "bản thể, thật tánh, Niết Bàn".

Nhưng cũng như sóng không thể lia nước mà có, "bản thể, thật tánh, Niết Bàn" không thể lia đời, lia người và vạn vật mà có. Cho nên người Phật tử luôn luôn sống tích cực với mình và

với đời. Với mình để tu sửa mình, giác ngộ mình. Với đời để thức tỉnh người, cứu độ người. Có thức tỉnh mình hoàn toàn và có cứu độ người đầy đủ mới có thể đạt tới Niết Bàn. Đạo Phật là đạo tích cực hoạt động.

Đoạn sau đây trong kinh Phật là một trả lời rõ rệt cho những kẻ tưởng rằng Đạo Phật làm cho con người ghét đời và xa lánh xã hội. Kinh Phật ghi rằng:

"...Kẻ ngu si sợ hư không mà muốn đi trốn, thì dù bỏ hư không mà chạy cũng không thể nào thoát được hư không. Kẻ đi tìm hư không, dù có chạy khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, cũng không tìm thấy hư không. Những kẻ ấy chỉ biết cái "danh" (tên) của hư không mà không biết được cái "thực" của hư không. Nay có kẻ muốn tìm Niết Bàn, thường qua lại trong Niết Bàn mà không biết đó là Niết Bàn, chỉ thấy toàn sinh tử, phiền não. Kẻ ấy chỉ biết cái "danh" (tên) của Niết Bàn mà không biết cái "thực" của Niết Bàn".

Vậy ta đừng lầm rằng giải thoát là lia bỏ, chán ghét cõi đời hiện tại. Giải thoát chính là sống hoạt động, yên vui, sung sướng, tự do hoàn toàn ngay trong đời hiện tại, trước khi từ bỏ xác thân vô thường này để nhập Niết Bàn và rồi lại sẽ từ Niết Bàn mà ứng hoá ra khắp mọi nơi để tiếp tục hoạt động cứu độ vô tận chúng sinh. Chư Phật và chư Bồ Tát đã và đang sống cái đời sống ấy. Phật tử chúng ta tu tập cốt để cũng được sống cái đời sống như chư Phật và Bồ Tát.

Nhân dịp giải đáp bốn câu hỏi do vua Trời Đế Thích cùng đoàn chư thiên đông đảo nêu lên Đức Phật dạy rằng "Niềm vui trong Chân Lý cao thượng hơn tất cả niềm vui khác":

(Pháp Cú 354)

*Coi như bỏ thí hàng đầu
Là đem Chân Lý nhiệm mầu tặng nhau,
Coi như hương vị tối cao
Hương vị Chân Lý ngọt ngào dài lâu
Coi như hoan hỷ hàng đầu
Niềm vui Chân Lý thấm sâu tuyệt vời,
Người nào ái dục diệt rồi
Vượt qua phiền não, xa rời khổ đau.*

"Niềm vui Chân Lý thấm sâu tuyệt vời" được coi là hoan hỷ hàng đầu tức là "pháp hỷ" thắng hơn mọi hoan hỷ khác. Pháp hỷ là niềm vui nhẹ nhàng trong tâm sau khi thấm nhuần chân lý, thấu triệt chánh pháp. Niềm vui này kéo dài cả cuộc sống trong khi các niềm vui khác thường ngắn ngủi và dễ chấm dứt là lại sinh ra khổ đau tiếp nối. Câu này quả thật đã nói lên ý niệm lạc quan yêu đời của đạo Phật, một Đạo vẫn luôn luôn bị hiểu lầm là chán đời và yếm thế.

Vì làm sao người Phật tử có thể chán đời, ghét đời được khi mà chánh pháp đem lại cho mình pháp hỷ, như đã được khéo diễn tả trong những câu sau đây nhân dịp Ma Vương cung thỉnh Đức Phật làm vua để giúp đỡ dân chúng được thanh bình, an lạc. Đức Phật biết Ma Vương muốn cám dỗ nên Ngài dạy rằng Ngài không có gì giống như Ma Vương cả và Ngài kể ra biết bao nguồn hạnh phúc, biết bao niềm vui đến với người tu hành theo con đường giác ngộ và giải thoát.

Vui vì gặp được bạn lúc mình đang cần. Vui vì tự biết là đủ với những gì mình đang có. Vui vì lúc qua đời biết mình đã tạo nghiệp lành. Vui và hạnh phúc hơn nhiều khi biết mình đã lánh xa tội lỗi và mọi nguồn gốc khổ đau:

(Pháp Cú 331)

*Vui thay có bạn khi cần!
Vui thay thấy đủ trong tâm đôi tay
Vớt gì mình có hiện nay!
Vui thay khi chết thân này tạo ra*

*Nghiệp lành nở đẹp như hoa!
Vui thay thống khổ là xa chẳng còn!*

Vui vì trên thế gian này được phụng dưỡng mẹ hiền. Vui vì được phụng dưỡng cha yêu. Vui vì cúng dường bậc xuất gia chân chính. Vui vì cúng dường các bậc thánh nhân:

(Pháp Cú 332)

*Ở đời còn có nhân duyên
Kính yêu, phụng dưỡng mẹ hiền là vui,
Công cha như núi cao vờn
Kính yêu phụng dưỡng được người là vui,
Cũng vui thay nếu ở đời
Có lòng tôn kính tìm nơi cúng dường
Sa Môn cùng với thánh nhân.*

Vui vì cho đến tuổi già mà vẫn giữ được đức hạnh. Vui vì lúc nào cũng giữ được niềm tin. Vui khi có đầy đủ trí tuệ. Vui khi tâm trong sạch và không làm điều gì ác:

(Pháp Cú 333)

*Vui thay từ trẻ đến già
Luôn luôn giữ giới thiết tha chẳng rời,
Vui thay khi sống làm người
Niềm tin chân chánh muôn đời chẳng thay!
Vui thay trí tuệ tràn đầy!
Vui thay điều ác hàng ngày tránh xa!*

Truyện tích kể rằng nhân trong giờ nghỉ các vị Tỳ kheo bàn luận về vấn đề hạnh phúc ở đời. Ý kiến các vị đưa ra đều dựa trên sự thỏa mãn đầy đủ của các giác quan, về tiền bạc, danh lợi và quyền thế. Đó chỉ là các điều sung sướng ở thế gian. Đức Phật nghe được bèn dạy rằng những thứ sau đây mới thật sự đem lại hạnh phúc và niềm vui "Phật ra đời! Pháp được giảng! Tăng hòa hợp! Cùng tu hòa hợp!":

(Pháp Cú 194)

*Vui thay đức Phật ra đời!
Vui thay giáo pháp giảng nơi cõi trần!
Tăng hòa hợp đẹp muôn phần!
Đẹp thay giới luật xa gần đồng tu!*

Ngày kia Đức Phật vào thôn xóm khát thực. Do sự can thiệp khuấy phá của Ma Vương, hôm ấy không có ai cúng dường Ngài cả. Các phụ nữ bị Ma Vương cám dỗ nên ham vui mà lãng quên công đức cúng dường. Ma Vương mĩa mai hỏi Ngài có thấy đói bụng không? Ngài giải thích thái độ tinh thần của người đã thoát khỏi mọi chướng ngại "Luôn luôn sống với niềm vui phi lạc trong chánh pháp và luôn luôn an lạc như ở cõi trời Quang Âm":

(Pháp Cú 200)

*Chúng ta hạnh phúc vô biên
Khi không chướng ngại, nào phiền nôi trôi
Sống đời hỷ lạc tuyệt vời
Tựa như những vị cõi trời Quang Âm.*

Người Phật tử không phải là kẻ chán đời rồi tìm cách xa lánh cuộc sống, trốn tránh trách nhiệm với xã hội. Đạo Phật là một đạo tích cực hoạt động. Người Phật tử từ lúc bắt đầu vào đạo đã phải hoạt động hằng say mê mang trí tuệ, chiến thắng tham, sân, si đồng thời phải tập chiến đấu với hoàn cảnh, xông pha trong xã hội để cứu giúp người khác.

Theo gương chư Phật và Bồ Tát, Phật tử không sống cho riêng mình, không tìm giác ngộ và giải thoát riêng cho mình, mà còn phải sống và giác ngộ, giải thoát cho kẻ khác. Đòi của Phật tử là một đời hoạt động không ngừng, đi từ chiến công này đến chiến công khác, đem lòng từ bi và bình đẳng gieo rắc nhân lành khắp mọi nơi, dưới mọi hình thức.

Kinh Phật từng dạy: "Trong hoạt động của người Phật tử, không một việc lành nào mà không làm, không một vật gì mà không cứu độ". Quả thật Đạo Phật là một đạo tích cực hoạt động. Quả thật Đạo Phật là Đạo yêu đời.

-ooOoo-

HÃY TỰ MÌNH THẮP ĐUỐC LÊN MÀ ĐI

Đức Phật, một vị thầy hoàn hảo, là khuôn vàng thước ngọc, là chuẩn mực đạo đức cho nhân sinh, cho những ai học hạnh của Ngài. Những việc làm, lời nói, tư tưởng của Ngài được kết tập trong tam tạng Phật Giáo "Kinh, Luật, Luận" là những lời dạy tiêu biểu về đạo đức, về một lối sống an lạc, giải thoát.

Đức Phật dạy cho chúng ta biết rằng tất cả mọi người, cũng như tất cả các loại chúng sinh khác, đều có đầy đủ khả năng thành Phật. Chúng sinh và Chư Phật đều chung một bản thể sáng suốt, đều cùng một chân tâm trong sạch, linh diệu, bất sinh bất diệt. Nhưng bản thể chúng sinh đã bị bụi dơ phủ kín, chân tâm của chúng sinh đã bị ngu tối làm mê lầm, xấu xa. Khi nào chúng sinh lau chùi hết nhơ bụi, diệt trừ hết vô minh, phiền não, bấy giờ tự nhiên sẽ thành Phật, không khác gì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và tất cả chư Phật khắp mười phương thế giới.

Hiện nay, sự khác biệt giữa chúng sinh và Phật không phải do nơi bản thể, nơi chân tâm, mà do ở sự sai biệt giữa giác ngộ sáng suốt và ngu tối mê lầm. Các Đức Phật là những chúng sinh đã giác ngộ hoàn toàn, còn những chúng sinh, vì còn say đắm trong cảnh tham lam, sân giận, si mê, nên chưa thành Phật. Bởi vậy Đức Phật dạy rằng: "*Ta là Phật đã thành; chúng sinh là Phật sẽ thành*". Nếu chúng sinh kiên quyết tu tập theo giáo lý của Phật thì chắc chắn thể nào cũng sẽ thành Phật. Bởi vậy Đức Phật coi tất cả mọi chúng sinh đều bình đẳng như Ngài và Đức Phật chỉ tự nhận là một người hướng đạo, một vị chỉ đường mà thôi.

Chúng ta vẫn niệm "*Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật*", ấy là vì chúng ta chân thành cung kính, sùng bái Đức Phật Thích Ca là ông thầy của chúng ta. "Su" là thầy học, "bôn" là gốc của ta. Chứ Đức Phật không phải là một ông chúa tể, một vị Thượng Đế, một vị Trời nào có quyền năng định đoạt số mệnh của chúng ta hay ban ân huệ cho chúng ta. Đức Phật cũng chỉ là một người bình thường như chúng ta, nhưng là một người đã tu hành đắc đạo, đã giác ngộ. Chúng ta hãy nghe qua những vần thơ tả lúc Ngài ra đời:

Nơi vùng Hy Mã Lạp Sơn
Tuyệt giảng núi biếc, mây vờn đỉnh cao
Ven sườn phong cảnh đẹp sao
Bềnh bóng sương gió, dạt dào nắng mưa
Ngay miền bắc Ấn Độ xưa
Có vương quốc nhỏ nên thơ vô cùng,
Một ngày xảy chuyện đáng mừng
Khuyến cho thế giới tung bừng đổi thay,
Ma Da hoàng hậu ngủ say
Nằm mơ chợt thấy sắc mây rạng ngời
Một luồng ánh sáng từ trời
Lung linh chiếu xuống tận nơi giường bà
Trong hào quang bỗng hiện ra
Voi to, màu trắng, sáu ngà đẹp thay,

Voi và ánh sáng cùng bay
Tới gần hoàng hậu nhập ngay vào bà.
Sáng hôm sau tỉnh giấc ra
Trong lòng hoàng hậu chan hòa niềm vui
Tâu vua rõ chuyện lạ đời
Nhà vua Tịnh Phạn cho mời các quan
Quần thần thông thái giới giang
Đoán điềm giải mộng rõ ràng giúp vua.
Quần thần hoan hỉ cùng thưa:
"Đây là điềm tốt. Giấc mơ tuyệt vời
Báo tin mừng sắp tới nơi
Rồi đây hoàng hậu thụ thai an lành
Sau này hoàng hậu sẽ sanh
Tương lai thái tử rạng danh thiên tài
Siêu nhân vĩ đại giúp đời
Sẽ mang hạnh phúc cho người gần xa
Cho vua dòng dõi Thích Ca
Và cho nhân loại nhà nhà thơm hương".
Vua nhìn hoàng hậu yêu thương
Cùng nhau âu yếm mừng thầm biết bao
Từ lâu vua vẫn ước ao
Sinh con nối dõi thế vào ngôi vua
Hai mươi năm mãi đợi chờ
Sắp thành hiện thực giấc mơ lâu dài.
Quả nhiên lời đoán chẳng sai
Thế rồi hoàng hậu mang thai một ngày
Thật vui thay! Thật mừng thay!
Hương lành theo gió dâng đầy thoảng xa,
Theo phong tục Ấn Độ xưa
Đàn bà sinh nở thường đưa trở về
Khai hoa nở nhụy chốn quê
Nhà cha mẹ ruột thêm bề bình yên,
Biết ngày sinh tới gần bên
Cho nên hoàng hậu vội lên đường về
Đi cùng một số bạn bè
Thêm người hầu hạ cận kề trước sau,
Hoàng cung đưa tiễn hồi lâu
Đoàn về quê ngoại cùng nhau lên đường.
Khi gần về đến quê hương
Cả đoàn được lệnh bên vườn ghé qua
Lâm Tỳ Ni tòa hương ra
Đón người nở nhụy khai hoa chốn này
Trong vườn phong cảnh đẹp thay
Cây vườn nhánh xuống đang tay đỡ người
Bà vin cành biếc mỉm cười
Hoa vô ưu nở cánh tươi đón chào
Bà sinh thái tử lành sao
Dễ thương, khẩu khinh, hồng hào, tinh anh.
Địa cầu như rạng bình minh
Tràn niềm hạnh phúc, đầy tình vui tươi
Điềm lành xuất hiện khắp nơi
Cầu vồng phô sắc, đất trời tỏa hương
Rằm tháng Tư đẹp lạ thường
Một ngày trọng đại mở đường tương lai.

Trong vương quốc khắp nơi nơi
Hân hoan đón nhận tin vui vô cùng
Cả đoàn trở lại hoàng cung
Muôn chim đua hót bên đường tiến chân
Nhà vua cùng các quần thần
Chào mừng đón tiếp phái đoàn hồi cung
Khắp nơi lễ hội vui chung
Chập chùng cờ phướn, tung bùng múa ca.
Bảy giờ khắp nước gân xa
Ngát hương an lạc, thắm hoa thanh bình
Cho nên thái tử sơ sinh
Được vua, hoàng hậu, triều đình đặt tên
"Tất Đạt Đa" nghĩa bình yên
"Người mang tội nguyên", "người đem tốt lành".

Chính Đức Phật Thích Ca đã dạy: "Ai ăn người ấy no, ai tu người ấy chứng" chứ không có cách nào để người khác tu hộ cho mình thành Phật được cả. Sự giác ngộ và giải thoát bao giờ cũng hoàn toàn do ở nơi ta, ở sự siêng năng tu tập, sửa đổi tâm trí của ta. Người Phật Tử không sùng bái Đức Phật để xin ân huệ trần tục, nhưng họ tôn trọng Đức Phật vì thành quả tối cao của Ngài. Khi người Phật Tử kính trọng Đức Phật, gián tiếp họ đã nâng cao tâm linh họ để một ngày nào đó, họ cũng đạt được giác ngộ như Ngài hầu phụng sự nhân loại ngoài việc họ mong ước trở thành Phật.

Phật Giáo không tin vào một đấng Thượng Đế, vì Phật Giáo cho rằng vũ trụ được hình thành và chuyển vận bằng những định luật không có chủ thể, vũ trụ không phải là sáng tạo của một Đấng Trời nào; Phật Giáo không chủ trương cầu xin, và Phật Giáo xem việc thờ cúng không phải là một điều luật bắt buộc, đó chỉ là cách để bày tỏ sự biết ơn đối với Đức Phật và là phương thức để traу dòi, phát triển thân tâm. Đấng "Thượng Đế" hoặc "Tạo Hóa" hay các "Thần Linh" được con người tin tưởng thờ phụng vì con người nghĩ rằng các đấng ấy có thể ban phúc hay giáng họa cho họ. Đây là quan điểm của tâm lý sợ hãi, yếu đuối, mất tự tin đã sản sinh ra thần thánh (đa thần hoặc nhất thần). Đạo Phật với chủ trương luật nhân quả, nghiệp báo đã nói lên tinh thần trách nhiệm cá nhân và cộng đồng trước sự đau khổ và hạnh phúc của chính mình. Đức Phật dạy: "Chính ta là kẻ thừa kế của hành động của ta, là người mang theo với mình hành động của mình".

Đức Phật dạy các đệ tử: "Các ngươi phải cố gắng tu hành để tự giải thoát, ta chỉ là người hướng dẫn mà thôi. Trong công việc chiến thắng mọi trở lực trên đường tiến triển để đi đến đích, chỉ có các ngươi là người có công hơn cả". Đức Phật cũng dạy: "Ta như thầy thuốc hay, biết bệnh cho thuốc, uống hay không uống, lỗi ấy không phải tại thầy. Ta như vị chỉ đường, dạy con đường phải, nghe mà không đi, lỗi ấy không phải tại người chỉ đường".

Sau khi đã chỉ dạy lý thuyết về hành động và nêu rõ con người làm chủ nghiệp của mình và chịu kết quả các hành vi thiện ác của mình, Đức Phật muốn cho con người ý thức rõ rệt bằng con người thật sự hoàn toàn làm chủ vận mệnh của mình, nên Ngài tuyên bố rõ ràng Ngài chỉ là đạo sư dẫn đường chỉ lối, không thể "cứu rỗi" hoặc làm thay cho ai, và con người phải tự chủ lấy mình, tự mình đi trên con đường giải thoát.

Đức Phật không bắt buộc chúng ta phải triệt để tuân theo lời Ngài và cũng không hăm dọa nếu chúng ta không tuân theo thì phải bị Ngài trừng phạt. Sự giữ hay không giữ giới là do chúng ta hoàn toàn tự liệu lấy. Đạo Phật khác với các tôn giáo khác chính là ở điểm Đức Phật không phải là một quan tòa tối cao giữ quyền thưởng phạt. Một ý nghĩ, một lời nói, một hành động tốt hay xấu của một người thì chính tự nó đã mang theo nó một mầm thương phạt rồi.

Đức Phật chỉ là một vị dẫn đường rất từ bi và rất sáng suốt. Ngài chỉ cho chúng ta con đường nào là con đường sáng và con đường nào là con đường nguy hiểm không nên đi. Nhưng nếu chúng ta không theo con đường sáng mà lại muốn đi vào con đường nguy hiểm, thì tất nhiên

chúng ta sẽ gặp tai họa tự nhiên, chứ Phật không tạo ra tai họa để trừng phạt chúng ta. Tòa án chính là luật nhân quả. Ta làm ác thì ta chịu quả xấu, ta làm thiện thì ta được quả tốt. Giới luật chính là thành trì ngăn chặn cho ta đừng đi lạc vào đường ác, là hàng rào ngăn chặn cho ta khỏi rơi xuống vực sâu, trong khi ta đi trên con đường giải thoát.

Con người phải tự nương tựa vào chính mình, "*tự mình thấp đuối lên mà đi*". Truyện tích kể rằng ni cô kia hạ sinh một trai mà bà đã thụ thai từ lúc chưa xuất gia mà không biết. Vua Ba Tư Nặc nuôi đứa trẻ. Về sau, cậu bé lớn lên cũng xin xuất gia và đắc quả A La Hán. Tuy nhiên, ni cô không thể dứt tình mẫu tử. Ngày kia, thấy vị Tỷ kheo, con bà, đi tri bình, bà đến gần với tất cả tấm lòng ưu ái kể lễ nỗi thương nhớ. Nhưng ông con không đáp lại sự triu mến ấy sợ rằng con đường tu tập của mẹ bị cản trở vì tình cảm quyến luyến. Thái độ của người con thức tỉnh, thúc giục bà sớm dứt tất tâm luyến ái và đắc quả A La Hán. Nghe bà chứng ngộ đạo quả, Đức Phật giải thích rằng vị cứu tinh, hay chỗ nương tựa, của ta, phải là chính ta chứ không ở đâu khác. Chính ta là chủ của ta chớ không ai khác hơn:

(Pháp Cú 160)

*Tự mình là vị cứu tinh
Tự mình nương tựa vào mình tốt thay
Nào ai cứu được mình đây?
Tự mình điều phục hàng ngày cho chuyên
Thành ra điểm tựa khó tìm.*

Chính ta là vị cứu tinh của ta. Chính ta là kẻ bảo hộ cho ta. Một nông dân nghèo, chỉ có mảnh vải rách đắp thân và cái cây để đi cày thuê. Một hôm có vị Tỷ kheo đi ngang qua thương hại hỏi anh có muốn xuất gia không. Anh xin xuất gia làm Sa di. Nhiều lần thầy này chặn cánh tu hành, định hoàn tục, cứ mờ tối thăm lại mảnh vải rách và cái cây của mình mãi. Cuối cùng thầy cố gắng hành thiện và đắc quả A La Hán. Giảng về thành quả tốt đẹp của thầy Đức Phật nói:

(Pháp Cú 380)

*Tự mình bảo vệ bản thân
Tự mình nương tựa chẳng cần nhờ ai,
Vậy nên kiềm chế thân người
Như là chàng lái buôn ngồi ngựa hay
Lo kiềm chế ngựa luôn tay.*

Chỉ có người biết tự điều, mới tự mình xây dựng lên hòn đảo, nước lụt không có thể ngập tràn. Một tăng sĩ trẻ tuổi nọ không thể học thuộc một câu kinh dài bốn hàng, mặc dầu hết sức cố gắng trọn bốn tháng. Người anh, cũng đã xuất gia, khuyên thầy nên hoàn tục. Vị sư trẻ tuổi vẫn còn muốn sống đời thiêng liêng đạo hạnh. Đức Phật hiểu được tâm tình thầy, đưa cho thầy một cái khăn lau tay sạch và dạy thầy mỗi sáng cầm khăn, căng ra trước mặt trời. Khi cầm cái khăn đưa lên như thế với bàn tay có ít nhiều bụi và mồ hôi thì không bao lâu cái khăn trở nên dơ. Sự thay đổi trông thấy ấy làm cho thầy Tỷ kheo trẻ tuổi suy gẫm về tính cách vô thường của đời sống. Thầy cố gắng hành thiện và đắc quả A La Hán. Đức Phật dạy rằng do cố gắng cá nhân, bậc thiện trí tạo cuộc sống hạnh phúc cho chính mình.

Một hòn đảo nổi cao trên mặt nước không thể bị ngập lụt mặc dầu những bãi đất thấp chung quanh có thể bị nước tràn vào. Một hải đảo như thế có thể là nơi an toàn cho tất cả. Cùng thế ấy, bậc thiện trí trau dồi tuệ minh sát phải tự biến mình thành một hải đảo bằng cách thành tựu

đạo quả A La Hán, và như vậy thì không còn bị sóng biển nhận chìm, không còn bị lôi cuốn trong dòng ngập lụt của các phiền não tham, sân, si, ái dục, tà kiến và vô minh v.v...:

(Pháp Cú 25)

*Luôn luôn cố gắng nhiều bề
Lại thêm hăng hái, không hề buông lung
Tự mình khắc chế mọi đường
Những người hiền trí vô cùng tinh anh
Tạo ra hòn đảo cho mình
Vượt trên sóng nước vây quanh thét gào
Nào phiền theo ngọn sóng trào
Để gì quấy nhiễu dâng cao ngập tràn.*

Truyện tích kể rằng một con voi chiến khi còn trẻ rất mạnh mẽ. Lúc về già thời yếu đi. Một hôm voi ra bờ ao định xuống uống nước thì rùi thay, chân bị sa lầy, chẳng rút ra khỏi bùn được. Tên nài đến nơi, nhận ra đó là voi chiến, nên làm như sẵn sàng xuất trận, rồi khua chiêng gióng trống âm ỉ lên. Voi hăng hái, cố gắng rồi rút được chân ra khỏi đầm lầy. Khi câu chuyện được bạch lại với Đức Phật, Ngài khuyên dạy các vị Tỳ kheo cũng nên noi gương đó mà gia công cố gắng giống như voi bị sa lầy để tự rút ra khỏi đầm lầy của dục vọng, của vòng luân hồi:

(Pháp Cú 327)

*Canh phòng tâm thật kỹ càng
Tươi vui, sáng suốt, siêng năng, nhiệt tình
Minh lo tự cứu lấy mình
Khỏi đường tà ác chúng sinh đọa đày
Như voi kia bị sa lầy
Rút chân gắng sức vượt ngay đầm bùn.*

Con đường tự lực được Đức Phật dạy như sau: "Này các Tỳ kheo, hãy tự mình thấp lên ngọn đuốc của chính mình, thấp lên với chánh pháp, đừng thấp lên với một pháp nào khác. Hãy tự mình làm chỗ nương tựa của chính mình, nương tựa với chánh pháp, đừng nương tựa với một pháp nào khác". Tinh thần tự lực mang tính triệt để nhân bản này là một đặc tính của đạo Phật.

Đức Phật còn thúc giục mọi người hãy nên tự lực cố gắng để mà tiến bộ ngay từ lúc còn trẻ. Người không tiến bộ cả về vật chất lẫn tinh thần sẽ ăn năn hối hận. Truyện tích kể rằng con một nhà triệu phú lấy vợ cũng là con một nhà rất giàu. Khi cha mẹ hai bên qua đời vợ chồng này được thừa hưởng gia tài to lớn của cả bên chồng lẫn bên vợ. Hai vợ chồng không chịu làm ăn, phung phí hết cả tài sản sự nghiệp và sau đó cả hai trở thành nghèo đói khôn cùng, phải đi ăn xin. Đề cập đến số phận bất hạnh của hai vợ chồng này Đức Phật dạy người sống không đạo hạnh, lúc trẻ chây lười không lo tạo sự nghiệp và cũng chẳng lo tu hành, thì khi về già sẽ "tàn tạ như con cò đứng trên bờ ao khô cạn nước, không cá, không môi, môi mòn u rừ", hoặc lúc về già sẽ "nằm dài xuống như một cái cung bị gãy, bị vứt bỏ dưới đất, quay nhìn đi vãng mà than vãn thờ dài":

(Pháp Cú 155)

*Lúc còn cường tráng thiếu niên
Đã không tạo dựng được thêm gia tài
Tu hành biếng nhác, chây lười
Đến khi luống tuổi con người giống sao
Cò già buồn đứng bờ ao
Ao khô cạn nước kiếm sao ra môi
Chết mòn thân xác mắt thôi!*

(Pháp Cú 156)

*Lúc còn cường tráng thiếu niên
Đã không tạo dựng được thêm gia tài
Tu hành biếng nhác, chây lười
Khi già nằm xuống đáng người khác chi
Cây cung bị gãy vứt kia
Buồn than dĩ vãng trôi đi mất rồi.*

Truyện tích kể lại rằng có ông vua nợ tuyệt tự. Đức Phật giải thích rằng sở dĩ vua không có con nối dòng vì trong một kiếp quá khứ ông có đời sống không thận trọng. Vua và vương phi là hai hành khách còn sống sót trên một thuyền tàu đi biển bị chìm. Cả hai trôi tấp vào một hoang đảo. Để khỏi bị chết đói cả hai đã phá các ổ chim, lấy trứng ăn, mà trong lòng chẳng hề có một chút hối tiếc vì sát hại sinh mạng chim non sắp chào đời. Về sau khi trở lại với loài người cả hai cũng chẳng hề hối tiếc về việc sát sinh đó suốt trong thời gian còn trung niên, và cả đến lúc tuổi già. Đức Phật khuyên dạy vua và hoàng hậu:

(Pháp Cú 157)

*Ai mà biết tự thương mình
Phải nên bảo vệ nhiệt tình bản thân
Trong ba giai đoạn đường trần
Trẻ trung, lớn tuổi và luôn về già
Người hiền trí hãy tỉnh ra
Tìm đường giác ngộ, lia xa mê lầm.*

Kinh Pháp Cú xưa nay thường được xem như là cao điểm của tư tưởng hướng thượng hiền thiện của con người trong cuộc sống. Đức Phật như "người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc." Kinh Pháp Cú không phải là sách để đọc thoáng qua như một thiên tiểu thuyết. Chúng ta nên đọc đi đọc lại. Thường suy niệm về những lời vàng ngọc trong ấy và đem ra thực hành trong đời sống hàng ngày, tự thanh lọc thân tâm rồi ta sẽ thấy đó là người bạn cố tri luôn đem lại nguồn cảm hứng, an ủi, nâng đỡ, hộ trì và cải thiện tâm linh trên những bước thăng trầm trong cuộc sống hàng ngày. Kinh Pháp Cú trở thành một kho tàng Phật bảo để chúng ta nghe những lời dạy quý báu của Đức Phật, giúp chúng ta sống một cách tốt đẹp và có ý nghĩa, có lợi cho mình, có lợi cho người, có lợi cả hai.

-ooOoo-

TÀI LIỆU THAM KHẢO

BÀI VIẾT

- (1) BÀI GIẢNG VỀ KINH PHÁP CÚ - Thích Minh Châu
- (2) NẾP SỐNG ĐẠO HẠNH VÀ TRÍ TUỆ TRONG KINH PHÁP CÚ - Thích Minh Châu
- (3) NĂM GIỚI: MỘT NẾP SỐNG LÀNH MẠNH, AN LẠC, HẠNH PHÚC - Thích Minh Châu
- (4) TRÍ TUỆ TRONG ĐẠO PHẬT - Thích Minh Châu
- (5) MƯỜI THIÊN NGHIỆP VÀ MƯỜI ÁC NGHIỆP - Thích Minh Châu
- (6) ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO QUA KINH PHÁP CÚ - Thích Nữ Giới Toàn

- (7) GIÁ TRỊ THẨM MỸ TRONG KINH PHÁP CÚ - Thích Huệ Quang
- (8) TRÍCH GIẢNG KINH PHÁP CÚ - Thích Thanh Từ
- (9) NGHIỆP - Thích Tâm Thiện
- (10) LUÂN HỒI - Thích Tâm Thiện
- (11) NHÂN QUẢ - Khải Thiên
- (12) TAM VÔ LẬU HỌC (GIỚI - ĐỊNH - TUỆ) - Thích Từ Hòa, Thích Phước Lương
- (13) KINH THAM SÂN SI (TƯƠNG ỨNG BỘ) - Thích Thiện Châu
- (14) GIỚI ĐỨC TRONG ĐẠO PHẬT - Phạm Kim Khánh
- (15) MƯỜI ĐIỀU THIỆN - Phúc Trung
- (16) BỐN CHÂN LÝ (TỨ ĐIỀU ĐẾ) - Thích Viên Giác
- (17) NGŨ UẨN - Thích Viên Giác
- (18) TÁM PHẦN THÁNH ĐẠO (BÁT CHÁNH ĐẠO) - Thích Tâm Khanh
- (19) PHÁP CÚ, BẢN KINH SƯU TẬP CỔ XƯA NHẤT - Thích Quảng Bảo (dịch theo Lakehouse)
- (20) ĐẠO PHẬT VỚI CON NGƯỜI - Thích Tâm Châu
- (21) HOA TRONG KINH PHÁP CÚ - Mang Viên Long
- (22) KỆ NGÔN KINH PHÁP CÚ SỐ 295 - Chánh Minh
- (23) GIỚI THIỆU KINH PHÁP CÚ - DHAMMAPADA - Bình Anson
- (24) ĐOẠN DIỆT ĐỀ GIẢI THOÁT - Bình Anson
- (25) TRÍ TUỆ TRONG ĐẠO PHẬT - Thích Thông Huệ
- (26) ĐẠO PHẬT - Thích Viên Giác
- (27) NHÂN THỨC CƠ BẢN VỀ PHẬT GIÁO - Thích Tố Huân
- (28) BA DẤU ÁN CỦA CHÁNH PHÁP - Nguyên Tuấn

SÁCH

- (1) KINH PHÁP CÚ - Thích Minh Châu (Viện Nghiên Cứu Phật Học VN, TP.HCM, 1996)
- (2) LỜI PHẬT DẠY - Thích Thiện Siêu (Học Viện Phật Giáo Việt Nam, Huế, Việt Nam 2000)
- (3) DHAMMAPADA (KINH PHÁP CÚ) - Narada (Phạm Kim Khánh biên dịch), Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, Hà Nội, Việt Nam, 2004
- (4) ĐỌC PHÁP CÚ NAM TÔNG - Thích Trí Quang

- (5) KINH PHÁP CÚ - Tâm Minh Ngô Tằng Giao (chuyển dịch thơ), Diệu Phương Xuất Bản, Virginia, USA, 2003
- (6) LỜI PHẬT DẠY - Đinh Sĩ Trang (Australia), Văn Nghệ, California, USA, 2001
- (7) TÌM HIỂU VÀ HỌC TẬP KINH PHÁP CÚ - Thiện Nhựt (Canada, 2001 và 2002)
- (8) TÍCH TRUYỆN PHÁP CÚ - Viên Chiếu, Nhà Xuất Bản TP. HCM, Việt Nam, 2000
- (9) PHẬT HỌC PHỔ THÔNG - Thích Thiện Hoa
- (10) PHẬT HỌC KHÁI LUẬN - Thích Chơn Thiện
- (11) ĐƯỜNG VÀO ÁNH SÁNG ĐẠO PHẬT - Tịnh Mặc
- (12) ĐỨC PHẬT VÀ PHẬT PHÁP - Narada (Phạm Kim Khánh dịch)
- (13) PHẬT HỌC TỪ ĐIỂN - Đoàn Trung Còn

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Phần 01](#) | [Phần 02](#) | [Phần 03](#)

[Các bản kinh Pháp Cú khác](#)

Chân thành cảm ơn cư sĩ Tâm Minh Ngô Tằng Giao đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 06-2006)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

updated: 16-07-2006